



VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử)
NGHIÊM ĐÌNH VỸ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử)
ĐÌNH NGỌC BẢO (Chủ biên phần Lịch sử)
PHAN NGỌC HUYỀN – PHẠM THỊ THANH HUYỀN – HOÀNG ANH TUẤN
ĐÀO NGỌC HÙNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí)
VŨ THỊ HẰNG – LÊ HUỖNH – TRẦN THỊ HỒNG MAI – PHÍ CÔNG VIỆT

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ

6

BẢN QUYỀN CUỐN SÁCH THUỘC VỀ
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

VŨ MINH GIANG (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử)
NGHIÊM ĐÌNH VỸ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử)
ĐINH NGỌC BẢO (Chủ biên phần Lịch sử)
PHAN NGỌC HUYỀN – PHẠM THỊ THANH HUYỀN – HOÀNG ANH TUẤN
ĐÀO NGỌC HÙNG (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí)
VŨ THỊ HẰNG – LÊ HUỖNH – TRẦN THỊ HỒNG MAI – PHÍ CÔNG VIỆT

LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ



BẢN QUYỀN CUỐN SÁCH THUỘC VỀ
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh yêu quý!

Đã bao giờ các em tự hỏi: Loài người chúng ta sinh ra từ đâu? Tổ tiên của loài người làm cách nào có được bộ óc thông minh, đôi tay khéo léo để chế tạo công cụ và lao động phục vụ cho cuộc sống? Nền văn minh của nhân loại được hình thành từ khi nào và ở đâu?

Đã bao giờ các em thắc mắc: Lịch sử đất nước mình bắt đầu từ bao giờ? Trên dải đất hình chữ S như hiện nay, vào thời cổ đại có những nhà nước nào đã tồn tại? Điều gì đã hun đúc nên một nền văn hoá truyền thống Việt Nam giàu tính bản địa và bản lĩnh của một dân tộc “không bao giờ chịu cúi đầu” trước những thế lực ngoại xâm?

Đã bao giờ, các em băn khoăn: Trái Đất có hình dạng như thế nào? Vì sao trên Trái Đất có nơi nóng, nơi lạnh? Tại sao thiên nhiên ở các nơi lại có sự khác nhau? Con người và thiên nhiên có mối quan hệ như thế nào? Làm thế nào để sống hoà hợp với thiên nhiên?...

*Mỗi bài học, mỗi trang trong sách giáo khoa môn **Lịch sử và Địa lí 6** này hi vọng sẽ đem đến những nội dung thú vị, giúp các em khám phá kiến thức và tự tìm lời giải đáp cho những câu hỏi đó.*

*Sách giáo khoa **Lịch sử và Địa lí 6** được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực, từ cách gắn kết kiến thức với thực tiễn đến cách tổ chức hoạt động học của các em học sinh.*

Hãy cùng hoạt động, tương tác với thầy/cô và các bạn, chủ động tìm kiếm thông tin, kết nối tri thức Lịch sử và Địa lí với cuộc sống để giúp chúng ta chinh phục tri thức và tìm thấy sự thú vị từ các nội dung bài học trong cuốn sách này nhé!

Chúc các em học tốt!

MỤC LỤC

MỤC	NỘI DUNG	TRANG	MỤC	NỘI DUNG	TRANG
	Lời nói đầu	2			
	Hướng dẫn sử dụng sách	5	Bài 13	Giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X	56
PHẦN LỊCH SỬ		7	CHƯƠNG 5. VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X		59
CHƯƠNG 1. VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ?		8	Bài 14	Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc	60
Bài 1	Lịch sử và cuộc sống	9	Bài 15	Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc	65
Bài 2	Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử?	11	Bài 16	Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X	70
Bài 3	Thời gian trong lịch sử	14	Bài 17	Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hoá dân tộc của người Việt	78
CHƯƠNG 2. XÃ HỘI NGUYÊN THỦY		16	Bài 18	Bước ngoặt lịch sử đầu thế kỉ X	80
Bài 4	Nguồn gốc loài người	17	Bài 19	Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X	86
Bài 5	Xã hội nguyên thủy	20	Bài 20	Vương quốc Phù Nam	91
Bài 6	Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thủy	24			
CHƯƠNG 3. XÃ HỘI CỔ ĐẠI		28			
Bài 7	Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại	29			
Bài 8	Ấn Độ cổ đại	34			
Bài 9	Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII	39			
Bài 10	Hy Lạp và La Mã cổ đại	44			
CHƯƠNG 4. ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X		50			
Bài 11	Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á	51			
Bài 12	Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X)	54			
			PHẦN ĐỊA LÍ		95
			BÀI MỞ ĐẦU		98
			CHƯƠNG 1. BẢN ĐỒ – PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT		101
			Bài 1	Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí	102
			Bài 2	Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến. Phương hướng trên bản đồ	104
			Bài 3	Tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ	106

Bài 4	Kí hiệu và bảng chú giải bản đồ. Tìm đường đi trên bản đồ	108	CHƯƠNG 5. NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT		155
Bài 5	Lược đồ trí nhớ	113	Bài 19	Thủy quyển và vòng tuần hoàn lớn của nước	156
CHƯƠNG 2. TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI			Bài 20	Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà	158
Bài 6	Trái Đất trong hệ Mặt Trời	116	Bài 21	Biển và đại dương	163
Bài 7	Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả	118	CHƯƠNG 6. ĐẤT VÀ SINH VẬT TRÊN TRÁI ĐẤT		
Bài 8	Chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hệ quả	122	Bài 22	Lớp đất trên Trái Đất	168
Bài 9	Xác định phương hướng ngoài thực tế	125	Bài 23	Sự sống trên Trái Đất	171
CHƯƠNG 3. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT			Bài 24	Rừng nhiệt đới	173
Bài 10	Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo	129	Bài 25	Sự phân bố các đới thiên nhiên trên Trái Đất	175
Bài 11	Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh. Hiện tượng tạo núi	131	Bài 26	Thực hành: Tìm hiểu môi trường tự nhiên địa phương	177
Bài 12	Núi lửa và động đất	133	CHƯƠNG 7. CON NGƯỜI VÀ THIÊN NHIÊN		
Bài 13	Các dạng địa hình chính trên Trái Đất. Khoáng sản	135	Bài 27	Dân số và sự phân bố dân cư trên thế giới	180
Bài 14	Thực hành: Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản	139	Bài 28	Mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên	184
CHƯƠNG 4. KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU			Bài 29	Bảo vệ tự nhiên và khai thác thông minh các tài nguyên thiên nhiên vì sự phát triển bền vững	187
Bài 15	Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió	142	Bài 30	Thực hành: Tìm hiểu mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên ở địa phương	189
Bài 16	Nhiệt độ không khí. Mây và mưa	146		BẢNG TRA CỨU THUẬT NGỮ	190
Bài 17	Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu	150		BẢNG PHIÊN ÂM	194
Bài 18	Thực hành: Phân tích biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa	153			

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



Trang mở đầu chương:

Giới thiệu khái quát nội dung của chương với những hình ảnh có tính gợi mở, định hướng nhận thức.

Mục tiêu bài học:

Nhấn mạnh về yêu cầu cần đạt, năng lực và phẩm chất, thái độ học sinh cần đạt được sau khi học.

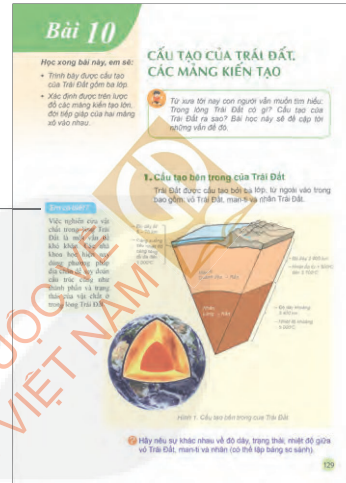
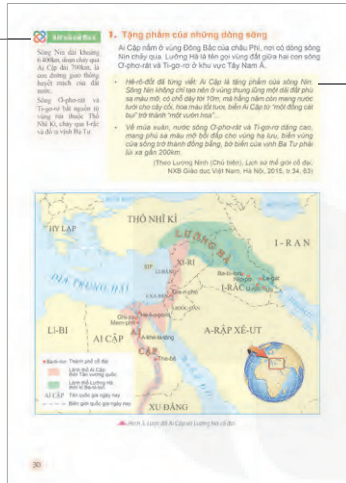


Mở đầu:

Xác định nhiệm vụ, vấn đề học tập học sinh cần giải quyết; kết nối với những điều học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú đối với bài mới.

Hình thành kiến thức mới:
Với các hội dung (kênh hình, kênh chữ) thông qua các hoạt động học tập giúp học sinh khai thác, tiếp nhận kiến thức mới.

Tư liệu:
Được trích dẫn từ các nguồn tư liệu khác nhau hoặc được cung cấp bởi tác giả viết SGK. Là cơ sở để tổ chức các hoạt động tự nhận thức bài học cho học sinh.



Tuyên phụ:
Thông tin hỗ trợ, bổ sung hoặc có tính liên môn nhằm làm rõ hơn nội dung chính.

Luyện tập:
Là các câu hỏi, bài tập, thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện các kỹ năng gắn với kiến thức vừa học.

Vận dụng:
Sử dụng kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

Luyện tập và Vận dụng



1. Điều kiện tự nhiên tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp, La Mã?



2. Có ý kiến cho rằng: Người Hy Lạp và La Mã cổ đại đạt được những thành tựu văn hoá rực rỡ là do tiếp thu những thành tựu của người phương Đông cổ đại. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?

PHẦN

LỊCH SỬ

BẢN QUYỀN CUỐN SÁCH THUỘC VỀ
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

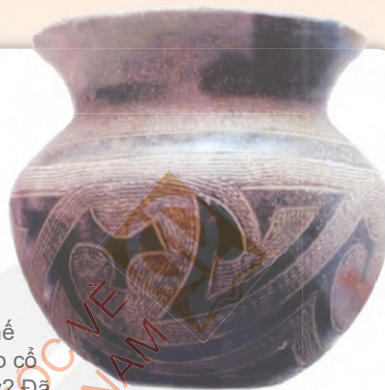
KẾT QUẢ TRI THỨC
CỦA CUỘC SỐNG

CHƯƠNG

1

VÌ SAO PHẢI HỌC LỊCH SỬ?

Hình bên là một bình gốm có niên đại khoảng 2 000 năm trước Công nguyên. Em có biết thế nào là trước Công nguyên? Tại sao các nhà khảo cổ lại phải xác định niên đại của chiếc bình gốm này? Đã bao giờ em tự hỏi: *Lịch sử là gì? Vì sao cần học lịch sử?* Chương này sẽ giúp các em tìm hiểu và giải đáp những băn khoăn đó.



▲ Bình gốm Phùng Nguyên

TRONG CHƯƠNG NÀY, EM SẼ ĐƯỢC TÌM HIỂU:

- Lịch sử và môn Lịch sử là gì?
- Vì sao phải học lịch sử và học lịch sử như thế nào?
- Các nguồn sử liệu *hiện vật, chữ viết, truyền miệng, tư liệu gốc*,... trong học tập lịch sử.
- Cách tính thời gian trong lịch sử.

▼ Di tích Đoan Môn – cửa chính phía nam vào Hoàng thành Thăng Long (Số 19C Hoàng Diệu – Hà Nội)



Bài 1

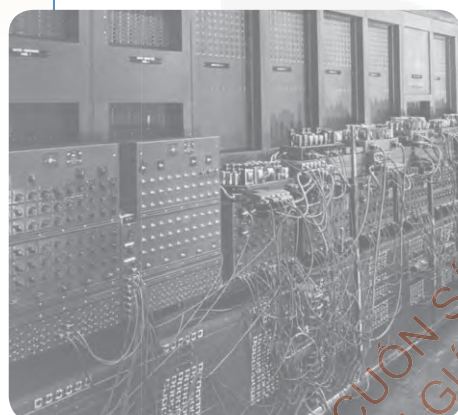
LỊCH SỬ VÀ CUỘC SỐNG

Học xong bài này, em sẽ:

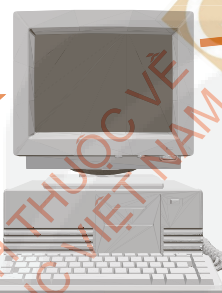
- Nêu được khái niệm lịch sử và môn Lịch sử.
- Hiểu được lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
- Giải thích được vì sao cần học lịch sử.



Quan sát hình 1, em hãy chỉ ra những điểm thay đổi theo thời gian của máy tính điện tử. Theo em, sự thay đổi theo thời gian như vậy được hiểu là gì?



a. Máy tính đầu tiên trên thế giới – ENIAC (1946)



b. Máy tính thế hệ thứ 4
(1971 – 1980)



c. Máy tính xách tay
hiện nay

▲ Hình 1. Máy tính điện tử từ khi xuất hiện đến nay

1. Lịch sử là gì?

Máy tính điện tử cũng như mọi sự vật xung quanh chúng ta, cả con người và xã hội loài người đều biến đổi theo thời gian. Sự thay đổi đó chính là lịch sử.

Lịch sử là tất cả những gì đã xảy ra và lịch sử còn được hiểu là một khoa học nghiên cứu và phục dựng lại quá khứ.

Môn Lịch sử là môn học tìm hiểu quá trình hình thành và phát triển của xã hội loài người từ khi con người xuất hiện trên Trái Đất cho đến ngày nay.



Khái niệm lịch sử được hiểu như thế nào? Nêu ví dụ cụ thể.

2. Vì sao phải học lịch sử?



Kết nối với ngày nay

Ngày 19 – 9 – 1954, tại Đền Hùng (Phủ Thọ), Bác Hồ đã căn dặn các chiến sĩ: "Hôm nay gặp các chú ở Đền Hùng có ý nghĩa to lớn vì Vua Hùng là vị vua khai quốc... Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước".

Học lịch sử giúp chúng ta tìm hiểu quá khứ, tìm về cội nguồn của chính bản thân, gia đình, dòng họ,... và rộng hơn là của cả dân tộc, nhân loại.

Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam.

(Hồ Chí Minh)



▲ Hình 2. Một số tác phẩm nghiên cứu lịch sử

Học lịch sử còn để đúc kết những bài học kinh nghiệm về sự thành công và thất bại của quá khứ để phục vụ hiện tại và xây dựng cuộc sống mới trong tương lai.

1. Nêu ý nghĩa hai câu thơ trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
2. Theo em, việc biên soạn các tác phẩm lịch sử (như hình 2) có tác dụng gì?
3. Vì sao phải học lịch sử?

Luyện tập và Vận dụng



1. Nhà chính trị nổi tiếng của La Mã cổ đại Xi-xê-rông đã nói: "Lịch sử là thầy dạy của cuộc sống". Em có đồng ý với nhận xét đó không? Vì sao?
2. Các bạn trong hình bên đang làm gì? Theo em, việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?
3. Hãy chia sẻ với thầy/cô giáo và các bạn các hình thức học lịch sử mà em biết; cách học lịch sử giúp em hứng thú và đạt hiệu quả tốt nhất.
4. Hãy tìm hiểu xem trong lớp có bao nhiêu bạn thích học môn Toán, môn Ngữ văn và môn Lịch sử. Theo em, các bạn thích học những môn khác có cần biết lịch sử không? Vì sao?



Bài 2

DỰA VÀO ĐÂU ĐỂ BIẾT VÀ PHỤC DỰNG LẠI LỊCH SỬ?

Học xong bài này, em sẽ:

- Phân biệt được các nguồn sử liệu cơ bản: tư liệu hiện vật, chữ viết, truyền miệng, gốc,...
- Trình bày được ý nghĩa và giá trị của các nguồn sử liệu trên.



Các nhà sử học làm công việc tương tự như những thám tử. Muốn dựng lại lịch sử, họ phải đi tìm các bằng chứng, tức là các tư liệu lịch sử. Hình ảnh dưới đây là một dạng tư liệu lịch sử. Quan sát hình ảnh, em nhận thấy những hoa văn trên mặt trống đồng miêu tả những gì? Qua đó, em có thể biết được gì về đời sống của người Việt cổ?



Hình 1. Mặt trống đồng Ngọc Lũ, hiện vật tiêu biểu của nền văn minh Việt cổ (trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử quốc gia).

1. Tư liệu hiện vật

Tư liệu hiện vật là những di tích, đồ vật,... của người xưa còn lưu giữ lại trong lòng đất hay trên mặt đất. Tuy đây chỉ là những hiện vật, nhưng nếu biết khai thác, chúng có thể cho ta biết khá cụ thể và trung thực về đời sống vật chất và phần nào đời sống tinh thần của người xưa.



Hình 2. Một góc di tích Hoàng thành Thăng Long (Số 18, Hoàng Diệu, Hà Nội)



Hình 3. Ngói úp trang trí đôi chim phượng bằng đất nung tìm thấy ở Hoàng thành Thăng Long

? Thế nào là tư liệu hiện vật? Từ hình 2 và 3, em hãy kể thêm một số tư liệu hiện vật mà em biết.

2. Tư liệu chữ viết

Những bản ghi, tài liệu chép tay hay sách được in, khắc chữ được gọi chung là *tư liệu chữ viết*. Nguồn tư liệu này ghi chép tương đối đầy đủ về đời sống con người. Tuy nhiên, tư liệu chữ viết thường mang ý thức chủ quan của tác giả tư liệu.



▲ Hình 4. Những tấm bia ghi tên người đỗ Tiến sĩ thời xưa ở Văn Miếu (Hà Nội)

10/5/1969

"Cuộc chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hi sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn.

Đó là một điều chắc chắn.

Tôi có ý định đến ngày đó, tôi sẽ đi khắp hai miền Nam Bắc, để chúc mừng đồng bào, cán bộ, và chiến sĩ anh hùng, thăm hỏi các cụ phụ lão, các cháu thanh niên và nhi đồng yêu quý của chúng ta."

(Trích *Di chúc*, Hồ Chí Minh toàn tập, Tập 15, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr. 610.)

- ? 1. Đoạn tư liệu trên từ *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho em biết thông tin gì?
2. Em hiểu thế nào là tư liệu chữ viết? Vì sao bia Tiến sĩ ở Văn Miếu (hình 4) được coi là tư liệu chữ viết?

3. Tư liệu truyền miệng

Những câu chuyện dân gian (thần thoại, truyền thuyết, cổ tích,...) được kể truyền miệng từ đời này qua đời khác gọi là *tư liệu truyền miệng*. Loại tư liệu này thường không cho biết chính xác về thời gian và địa điểm, nhưng phần nào phản ánh hiện thực lịch sử.



▲ Hình 5. Thánh Gióng đánh giặc Ân (tranh dân gian Đông Hồ)

1. Thế nào là tư liệu truyền miệng?
2. Hình 5 giúp em liên tưởng đến truyền thuyết nào trong dân gian?

4. Tư liệu gốc

Tư liệu gốc là tư liệu cung cấp những thông tin đầu tiên và trực tiếp về sự kiện hoặc thời kì lịch sử nào đó. Đây là nguồn tư liệu đáng tin cậy nhất khi tìm hiểu lịch sử.

Dựa vào các nguồn tư liệu, mỗi nhà sử học thường chỉ có thể làm sáng tỏ được một phần lịch sử theo quan điểm của mình, vì vậy, chúng ta có thể bắt gặp nhiều cách giải thích khác nhau về cùng một sự việc trong quá khứ. Khi nào chính em tự mình lí giải được sự việc đã xảy ra dựa trên những chứng cứ khoa học có được là em đã sắp trở thành "nhà sử học" rồi đấy.

1. Em hiểu thế nào là tư liệu gốc? Nêu ví dụ cụ thể.

Luyện tập và Vận dụng



1. Theo em, tư liệu hiện vật, tư liệu chữ viết, tư liệu truyền miệng và tư liệu gốc có ý nghĩa và giá trị gì?



2. Theo em, đoạn tư liệu và các hình 2, 3, 4 và 5 trong bài học, hình ảnh, tư liệu nào thuộc tư liệu gốc?
3. Hãy kể tên một số truyền thuyết có liên quan đến lịch sử mà em biết.
4. Ở nhà em hoặc nơi em sinh sống có những hiện vật nào có thể giúp tìm hiểu lịch sử? Hãy giới thiệu ngắn gọn một hiện vật mà em thích nhất.

Bài 3

THỜI GIAN TRONG LỊCH SỬ

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số khái niệm (thập kỉ, thế kỉ, thiên niên kỉ, trước Công nguyên, Công nguyên, âm lịch, dương lịch,...); cách tính thời gian trong lịch sử.
- Biết cách đọc, ghi các mốc thời gian trong lịch sử.



Hãy quan sát tờ lịch bên cạnh và cho biết vì sao trên cùng một tờ lịch lại ghi hai ngày khác nhau?



Hình 1. Một tờ lịch treo tường ▲

1. Vì sao phải xác định thời gian trong lịch sử?

Lịch sử là những gì đã xảy ra trong quá khứ theo trình tự thời gian. Muốn hiểu và dựng lại lịch sử, cần sắp xếp tất cả sự kiện theo đúng trình tự của nó.

Để xác định được thời gian, ta cần biết cách tính. Từ xa xưa, các dân tộc trên thế giới đã sáng tạo ra nhiều cách đo thời gian khác nhau.



a. Đồng hồ cát



b. Đồng hồ nước



c. Đồng hồ mặt trời

▲ Hình 2. Một số dụng cụ đo thời gian của người xưa



Tại sao phải xác định thời gian trong lịch sử? Con người thời xưa đã xác định thời gian bằng những cách nào?

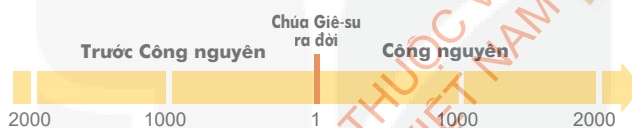
2. Các cách tính thời gian trong lịch sử

Từ xa xưa con người đã nghĩ ra cách làm lịch. Người Ai Cập, Lưỡng Hà hay Trung Quốc cổ đại và một số dân tộc phương Đông khác thì tính theo *âm lịch*, còn người La Mã và nhiều tộc người ở châu Âu,... thì tính theo *dương lịch*.

Âm lịch là hệ lịch được tính theo chu kì chuyển động của Mặt Trăng quanh Trái Đất.

Dương lịch là hệ lịch được tính theo chu kì chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.

Về sau, dương lịch đã được hoàn chỉnh và thống nhất để các dân tộc đều có thể sử dụng, đó là *Công lịch*. Công lịch lấy năm ra đời của Chúa Giê-su – tương truyền là người sáng lập ra đạo Thiên Chúa, là năm đầu tiên của Công nguyên. Ngay trước năm đó là năm 1 trước Công nguyên (TCN). Đồng thời còn có cách phân chia thời gian thành thập kỉ (10 năm), thế kỉ (100 năm) và thiên niên kỉ (1 000 năm), tính từ năm đầu tiên của các khoảng thời gian đó.



▲ Hình 3. Sơ đồ cách tính thời gian theo Công lịch

Hiện nay, ở Việt Nam, Công lịch được dùng chính thức trong các cơ quan và văn bản nhà nước, tuy nhiên, âm lịch vẫn được phổ biến rộng rãi trong nhân dân. Vì vậy, trên tờ lịch đều in ngày, tháng, năm của cả hai loại lịch này.

- ❓ 1. Muốn biết năm 2000 TCN cách năm hiện tại bao nhiêu năm thì em sẽ tính như thế nào?
2. Hãy cho biết các cách tính thời gian trong lịch sử.

Luyện tập và Vận dụng



1. Các sự kiện dưới đây xảy ra cách năm hiện tại khoảng bao nhiêu năm?

- Khoảng thiên niên kỉ III TCN, người Ai Cập đã biết làm lịch.
- Thục Phán lập ra nước Âu Lạc vào khoảng năm 208 TCN.



2. Hãy kể những ngày nghỉ lễ theo âm lịch và dương lịch ở nước ta.

3. Hãy lựa chọn và sắp xếp những sự kiện quan trọng của cá nhân em trong khoảng 5 năm gần đây theo đúng trình tự (có thể thể hiện trên trục thời gian).

CHƯƠNG

2

XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

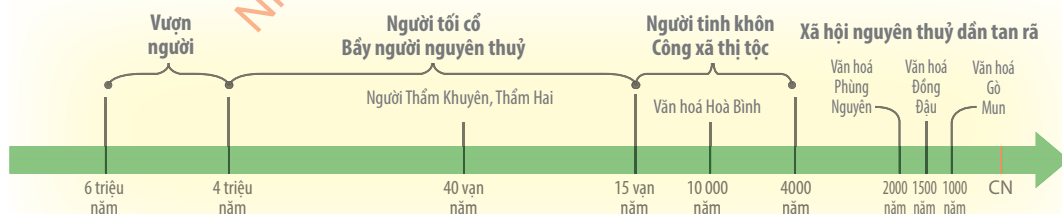


Người tối cổ được tìm thấy ở Bắc Kinh, Trung Quốc (tượng phục dựng)

Lịch sử xã hội loài người bắt đầu từ khi con người xuất hiện trên Trái Đất. Có rất nhiều câu hỏi đã được đặt ra: Loài người có nguồn gốc từ đâu? Trong buổi bình minh của lịch sử, họ đã sống ra sao?... Trong chương này, các em sẽ cùng tìm câu trả lời nhé!

TRONG CHƯƠNG NÀY, EM SẼ ĐƯỢC TÌM HIỂU:

- Nguồn gốc loài người.
- Xã hội nguyên thủy.
- Sự chuyển biến và phân hoá của xã hội nguyên thủy.



Bài 4

NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người trên Trái Đất.
- Xác định được dấu tích của Người tối cổ ở Đông Nam Á và Việt Nam.



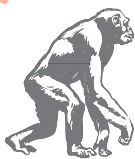
Người châu Phi, châu Á và châu Âu có màu da như thế nào? Liệu họ có cùng chung một nguồn gốc hay không? Nếu có thì từ đâu mà ra?

Em có biết?

- Những phát hiện gần đây ở Đông Phi đã dẫn tới quan điểm cho rằng nơi đây là một trong những “cái nôi” của loài người.
- Người tối cổ thường xuyên đi, đứng bằng hai chân, hai chi trước thành hai tay, có thể cầm nắm, thể tích sọ não lớn hơn và đã hình thành trung tâm phát tiếng nói trong não.

1. Quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người

Quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người đã diễn ra cách đây hàng triệu năm. Ở chặng đầu của quá trình đó, cách ngày nay khoảng 5 – 6 triệu năm, đã có một loài Vượn người sinh sống. Từ loài Vượn người, một nhánh đã phát triển lên thành Người tối cổ. Dạng người này xuất hiện khoảng 4 triệu năm trước, đến khoảng 15 vạn năm trước thì biến đổi thành Người tinh khôn.



Vượn người



Người tối cổ



Người tinh khôn

▲ Hình 1. Các dạng người trong quá trình tiến hoá

- ❓ Dựa vào hình trên và trực thời gian (tr.16), em hãy cho biết quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người đã trải qua các giai đoạn nào? Cho biết niên đại tương ứng của các giai đoạn đó.

2. Những dấu tích của quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á và Việt Nam

Tại khu vực Đông Nam Á đã diễn ra quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người từ rất sớm. Dấu tích của Người tối cổ đã được tìm thấy ở khắp Đông Nam Á và cả Việt Nam. Đó là những di cốt hoá thạch và công cụ đá do con người chế tạo ra.



▲ Hình 2. Lược đồ dấu tích của quá trình chuyển biến từ Vượn người thành người ở Đông Nam Á

Di cốt của loài Vượn người sống cách ngày nay khoảng 5 triệu năm đã được tìm thấy ở Mi-an-ma và In-đô-nê-xi-a. Đặc biệt, hoá thạch phát hiện trên đảo Gia-va (In-đô-nê-xi-a) có niên đại khoảng 2 triệu năm trước là dấu vết xưa nhất của Người tối cổ ở Đông Nam Á. Di cốt, mảnh di cốt và những công cụ đá của Người tinh khôn còn được tìm thấy ở Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a. Chiếc sọ Người tinh khôn tìm thấy ở hang Ni-a (Ma-lai-xi-a) có niên đại cách ngày nay khoảng 4 vạn năm.

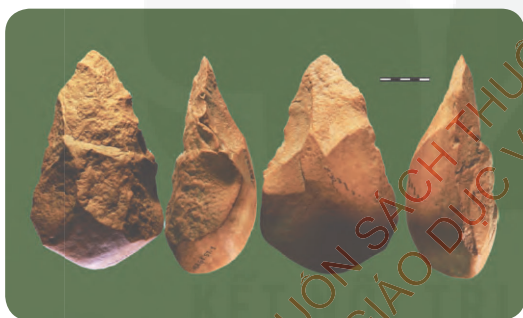
Ở Việt Nam cũng đã phát hiện răng của Người tối cổ ở Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn),... Những công cụ đá được ghè đẽo thô sơ của Người tối cổ cũng đã có mặt ở An Khê (Gia Lai), Núi Đọ (Thanh Hoá), Xuân Lộc (Đồng Nai), An Lộc (Bình Phước),...



▲ Hình 3. Công cụ đá Núi Đọ (Thanh Hoá)



▲ Hình 4. Răng hoá thạch của Người tối cổ được tìm thấy ở hang Thẩm Khuyên (Lạng Sơn)



▲ Hình 5. Rìu tay tìm thấy ở di chỉ An Khê (Gia Lai)

Em có biết?

Tại di chỉ An Khê (thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai), người ta đã phát hiện được trên 3 000 hiện vật đá (gồm rìu tay, công cụ ghè đẽo thô sơ,...) có niên đại cách ngày nay 80 vạn năm. Đây là dấu tích cổ xưa nhất chứng tỏ sự xuất hiện sớm của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

❓ Hãy xác định những dấu tích của Người tối cổ tìm được ở Đông Nam Á và Việt Nam trên lược đồ (hình 2, tr.18). Những dấu tích đó chứng tỏ điều gì?

Luyện tập và Vận dụng



1. Từ những thông tin và hình ảnh trong bài học, hãy cho biết những bằng chứng nào chứng tỏ ở khu vực Đông Nam Á và Việt Nam diễn ra quá trình tiến hoá từ Vượn người thành người?
2. Quan sát hình 1 (tr.17), em thấy Vượn người, Người tinh khôn và Người tối cổ có điểm gì khác nhau?
3. Làm việc theo nhóm: Hãy sưu tầm tư liệu (chữ viết, hình ảnh) và giới thiệu quá trình phát triển của người nguyên thủy trên thế giới hoặc ở Việt Nam.

Bài 5

XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được sơ lược các giai đoạn tiến triển của xã hội nguyên thủy.
- Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của người nguyên thủy.
- Nhận biết được vai trò của lao động đối với quá trình phát triển của người nguyên thủy cũng như xã hội loài người.
- Nêu được đôi nét về đời sống của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.



Có một bức tranh được cho là của người nguyên thủy vẽ cảnh đi săn trên vách hang Lôt Ca-ba-lôt (Tây Ban Nha), với niên đại khoảng 10 000 năm trước. Một số người cho rằng người nguyên thủy sống như những bầy động vật hoang dã, lang thang trong các khu rừng rậm, không có tổ chức, ăn sống nuốt tươi, ... Liệu trong thực tế có đúng như vậy không?



Hình 1. Bức tranh của người nguyên thủy vẽ cảnh đi săn

1. Các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy

Xã hội nguyên thủy kéo dài hàng triệu năm, trải qua hai giai đoạn: bầy người nguyên thủy và công xã thị tộc.

	Bầy người nguyên thủy	Công xã thị tộc
Dạng người	Người tối cổ	Người tinh khôn Hình thành ba chủng tộc lớn: da vàng, da trắng và da đen.
Đời sống vật chất	Sống trong hang, động, dựa vào săn bắt và hái lượm.	Biết trồng trọt, chăn nuôi, dệt vải và làm gốm.
Tổ chức xã hội	Sống thành bầy, có người đứng đầu, có sự phân công lao động và cùng chăm sóc con cái.	Công xã thị tộc gồm 2, 3 thế hệ, có cùng dòng máu, làm chung và hưởng chung.
Đời sống tinh thần	Biết làm đồ trang sức, vẽ tranh trên vách đá,...	Biết làm đồ trang sức tinh tế hơn, làm tượng bằng đá hoặc đất nung, ... Đã có tục chôn người chết và đời sống tâm linh.

Bảng hệ thống các giai đoạn phát triển của xã hội nguyên thủy trên thế giới



Em có biết?

Thị tộc là một nhóm người, gồm khoảng 2 – 3 thế hệ có cùng dòng máu, sống quần tụ với nhau. Nhiều thị tộc sống cạnh nhau, có quan hệ họ hàng và gắn bó với nhau hợp thành *bộ lạc*.

◀ Hình 2. Hình ảnh thực nghiệm cách chế tạo công cụ đá của người nguyên thủy

Trong quá trình lao động, tìm kiếm thức ăn, đôi bàn tay của người nguyên thủy dần trở nên khéo léo hơn, cơ thể cũng dần biến đổi để trở thành Người hiện đại. Nhờ có lao động, con người đã từng bước tự cải biến, hoàn thiện mình và làm cho đời sống ngày càng phong phú hơn.

- ❓ 1. Xã hội nguyên thủy đã trải qua những giai đoạn phát triển nào?
2. Dựa vào bảng (tr.20), hãy cho biết đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của Người tối cổ và Người tinh khôn.

2. Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam

Ở Việt Nam, người nguyên thủy đã biết mài đá, tạo ra nhiều loại công cụ khác nhau (riu, bôn, chày, cuốc đá) và vũ khí (mũi tên, mũi lao). Đồ gốm đã dần phổ biến với hoa văn trang trí phong phú.



▲ Hình 3. Riu mài lưỡi Bắc Sơn (Lạng Sơn)

Trong các hang động thuộc văn hoá Hoà Bình đã tìm thấy nhiều xương của một số loại gia súc và dấu vết của các loại cây ăn quả, rau đậu, chứng tỏ cư dân Hoà Bình đã bước đầu biết làm nông nghiệp.

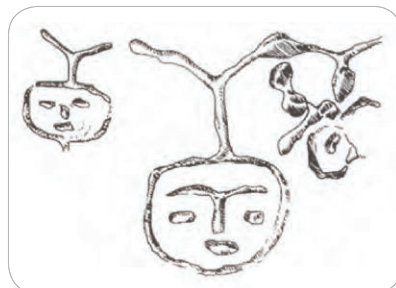
Họ sống chủ yếu trong các hang động, mái đá hoặc các túp lều lợp bằng cỏ khô hay lá cây. Nguồn thức ăn bao gồm cả những sản phẩm săn bắn, hái lượm và tự trồng trọt, chăn nuôi.



▲ Hình 4. Lược đồ di chỉ thời đồ đá và đồ đồng ở Việt Nam

Trong các di chỉ, người ta đã tìm thấy nhiều viên đất nung có dùi lỗ và xâu thành chuỗi, nhiều vỏ ốc biển được mài thủng, có thể xâu dây làm đồ trang sức, những bộ đàn đá, vòng tay,... Hoa văn trên đồ gốm cũng dần mang tính chất nghệ thuật, trang trí.

Trong nhiều hang động, người ta đã phát hiện các mộ táng, có chôn theo công cụ và đồ trang sức.



▲ Hình 5. Hình mặt người khắc trên vách hang Đồng Nội (Hoà Bình)



▲ Hình 6. Gốm Quỳnh Văn

Em có biết?

Văn hoá Quỳnh Văn tập trung chủ yếu ở vùng ven biển Quỳnh Lưu (Nghệ An). Người Quỳnh Văn có nghề làm gốm rất phát triển với hoa văn phong phú.

1. Em nhận thấy kĩ thuật chế tác công cụ Bắc Sơn có điểm gì tiến bộ hơn so với Núi Đọ?
2. Khai thác kênh hình và thông tin ở mục 2, hãy cho biết những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần của người nguyên thủy trên đất nước Việt Nam.

Luyện tập và Vận dụng



1. Theo em, lao động có vai trò như thế nào trong việc làm thay đổi con người và cuộc sống của người nguyên thủy?
2. Đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của Người tinh khôn có những điểm nào tiến bộ hơn so với Người tối cổ?
3. Tìm trên lược đồ hình 4 (tr.22) kết hợp với tra cứu thông tin từ sách, báo và internet, hãy cho biết các di tích thời đồ đá được phân bố ở những tỉnh nào của nước ta ngày nay và sự phân bố đó nói lên điều gì.

Bài 6

SỰ CHUYỂN BIẾN VÀ PHÂN HOÁ CỦA XÃ HỘI NGUYÊN THUỶ

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được quá trình phát hiện ra kim loại và vai trò của nó đối với sự chuyển biến và phân hoá từ xã hội nguyên thuỷ sang xã hội có giai cấp.
- Giải thích được vì sao xã hội nguyên thuỷ tan rã.
- Mô tả được sự hình thành xã hội có giai cấp.
- Mô tả và giải thích được sự phân hoá không triệt để của xã hội nguyên thuỷ ở phương Đông.
- Nêu được một số nét cơ bản của xã hội nguyên thuỷ ở Việt Nam (qua các nền văn hoá khảo cổ Phùng Nguyên – Đông Đậu – Gò Mun).



Trong đời sống thường ngày, chúng ta sử dụng rất nhiều các vật dụng được làm từ đồng và sắt, bởi các nguyên liệu này đã trở nên rất quen thuộc và cần thiết đối với con người từ rất lâu đời. Em hãy kể tên một số vật dụng đó. Em có biết các nguyên liệu đồng và sắt được phát hiện như thế nào, từ bao giờ và chúng đã làm thay đổi đời sống xã hội ra sao?

Em có biết?

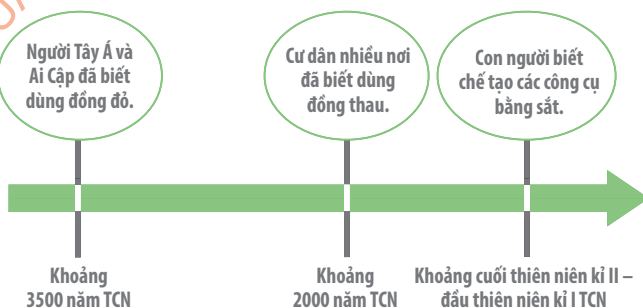
Đồng được phát hiện một cách ngẫu nhiên, tìm thấy từ các đám cháy. Những thỏi đồng nóng chảy, vốn cục là đồng đỏ (đồng nguyên chất). Sau đó, người ta biết pha chế,... để tạo ra đồng thau.

Sắt được phát hiện muộn hơn, do cũng hơn đồng nên được sử dụng rộng rãi.

1. Sự phát hiện ra kim loại và bước tiến của xã hội nguyên thuỷ

a) Sự phát hiện ra kim loại và những chuyển biến trong đời sống vật chất

Vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN, người nguyên thuỷ đã phát hiện ra một loại nguyên liệu mới để chế tạo công cụ và vũ khí thay thế cho đồ đá. Đó là kim loại.



Hình 1. Sơ đồ quá trình xuất hiện công cụ bằng kim loại

Nhờ có công cụ mới bằng kim loại như lưỡi cày, cuốc, rìu,... con người có thể khai hoang, mở rộng diện tích trồng trọt. Nông nghiệp dùng cày và chăn nuôi cũng có bước phát triển. Nghề luyện kim và chế tạo đồ đồng yêu cầu kĩ thuật cao, cùng với nghề dệt vải, làm đồ gốm, đồ mộc,... dần trở thành ngành sản xuất riêng. Quá trình chuyên môn hoá trong sản xuất lại có tác dụng thúc đẩy năng suất lao động, tạo ra sản phẩm ngày càng nhiều cho xã hội. Con người không chỉ đủ ăn mà còn có của cải dư thừa.

b) Sự thay đổi trong đời sống xã hội

Trong thị tộc, đàn ông có vai trò ngày càng lớn và trở thành chủ gia đình. Con cái lấy theo họ cha. Đó là các gia đình phụ hệ.



Hình 2. Gia đình phụ hệ trong công xã thị tộc (tranh minh hoạ)

Cùng với sự xuất hiện ngày càng nhiều của cải dư thừa, xã hội dần có sự phân hoá kẻ giàu, người nghèo. Xã hội nguyên thuỷ dần tan rã.

Tuy nhiên, quá trình này diễn ra không đều ở các khu vực trên thế giới. Ở phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc,...), do sinh sống ven các con sông lớn, cư dân phải liên kết với nhau trong các cộng đồng vốn là các công xã thị tộc để làm thuỷ lợi và chống ngoại xâm nên tính liên kết cộng đồng và nhiều tập tục của xã hội nguyên thuỷ vẫn tiếp tục được bảo lưu. Do vậy, mặc dù xã hội nguyên thuỷ ở đây phân hoá sớm hơn so với các nơi khác nhưng không triệt để.

1. Nêu quá trình con người phát hiện ra kim loại.
2. Hãy chỉ ra những thay đổi trong đời sống xã hội khi công cụ bằng kim loại xuất hiện.
3. Vì sao xã hội nguyên thuỷ ở các nước phương Đông phân hoá nhưng không triệt để?

2. Sự tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam

a) Sự xuất hiện kim loại

Từ khoảng 4 000 năm trước, cư dân ở Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ đã biết tôi đồ đồng.



▲ Hình 3. Sơ đồ các nền văn hoá đồ đồng ở Việt Nam

b) Sự phân hoá và tan rã của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam

Việc sử dụng các công cụ bằng kim loại đã giúp cho người nguyên thủy mở rộng địa bàn cư trú. Một số đã rời khỏi vùng trung du, chuyển xuống các vùng đồng bằng ven sông. Họ đã biết dùng cây gỗ có lắp lưỡi bằng đồng để cày ruộng, trồng lúa, dùng lưỡi hái để gặt.



▲ Hình 4. Công cụ và vũ khí bằng đồng (văn hoá Gò Mun)

Sự phát triển kinh tế đã dẫn đến phân hoá trong đời sống xã hội. Cuộc sống của người nguyên thủy ngày càng ổn định. Họ định cư lâu dài ven các con sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Thu Bồn, sông Đồng Nai,... Ở đây đã hình thành những khu vực dân cư đông đúc, là cơ sở cho sự xuất hiện các quốc gia cổ đầu tiên trên đất nước Việt Nam.

- ❓ 1. Thời đại đồ đồng ở Việt Nam đã trải qua những nền văn hoá khảo cổ nào? Đời sống kinh tế, xã hội của cư dân có những biến đổi gì?
2. Quan sát hình 4, hãy kể tên một số công cụ, vũ khí được tìm thấy thuộc văn hoá Gò Mun.

Luyện tập và Vận dụng



1. Sự xuất hiện của kim loại đã có tác động như thế nào tới đời sống của con người?
2. Lập bảng theo mẫu sau và điền những nội dung phù hợp.

Nền văn hoá	Niên đại	Công cụ tìm thấy
Phùng Nguyên	?	?
Đồng Đậu	?	?
Gò Mun	?	?
Tiền Sa Huỳnh	?	?
Đồng Nai	?	?



3. Hãy tìm hiểu thêm và cho biết nguyên liệu đồng hiện nay còn được dùng để chế tạo những công cụ, vật dụng gì. Tại sao các loại công cụ và vũ khí bằng đồng ngày càng ít được sử dụng trong đời sống?

CHƯƠNG

3

XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Khoảng cuối thiên niên kỉ IV TCN, con người bắt đầu bước vào thời đại xã hội có giai cấp, nhà nước. Với những công cụ bằng đá và đồng thô sơ, các cư dân cổ đại đã từng bước chinh phục tự nhiên, dần tạo lập cuộc sống ổn định. Chiến tranh giữa các nhà nước cũng thường xuyên diễn ra... Hơn tất cả, những giá trị văn hoá vật chất, tinh thần mà con người cổ đại tạo ra đã có đóng góp to lớn cho lịch sử văn minh nhân loại. Trong số đó rất nhiều giá trị còn được truyền lại đến ngày nay.

TRONG CHƯƠNG NÀY, EM SẼ ĐƯỢC TÌM HIỂU:

- Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại
- Ấn Độ cổ đại
- Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII
- Hy Lạp và La Mã cổ đại

Kim tự tháp Kê-ốp (Ai Cập)



Tượng đất nung được phát hiện ở làng Lì Sơn (Trung Quốc)

Khải hoàn môn Công-xtăng-tin (La Mã)



Bài 7

AI CẬP VÀ LƯƠNG HÀ CỔ ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

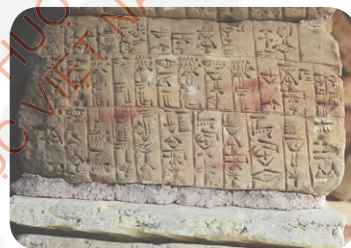
- Nêu được tác động của điều kiện tự nhiên (sông ngòi, đất đai) đối với sự hình thành nền văn minh Ai Cập và Lương Hà.
- Trình bày được quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và Lương Hà.
- Kể được tên và nêu được những thành tựu văn hoá chủ yếu của Ai Cập, Lương Hà.



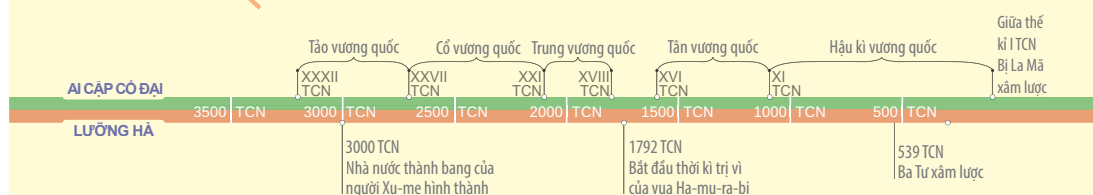
Dưới đây là hình ảnh chữ viết của người Ai Cập và Lương Hà cổ đại. Em có biết người Ai Cập, Lương Hà đã sáng tạo ra loại chữ viết này như thế nào không? Họ đã xây dựng nền văn minh của mình trong điều kiện ra sao?



▲ Hình 1. Chữ viết của người Ai Cập cổ đại



▲ Hình 2. Chữ viết hình nêm trên đất sét của người Lương Hà cổ đại





Kết nối với địa lí

Sông Nin dài khoảng 6400km, đoạn chảy qua Ai Cập dài 700km, là con đường giao thông huyết mạch của đất nước.

Sông Ô-phơ-rát và Ti-gơ-rơ bắt nguồn từ vùng núi thuộc Thổ Nhĩ Kỳ, chảy qua I-rắc và đổ ra vịnh Ba Tư.

1. Tặng phẩm của những dòng sông

Ai Cập nằm ở vùng Đông Bắc của châu Phi, nơi có dòng sông Nin chảy qua. Lưỡng Hà là tên gọi vùng đất giữa hai con sông Ô-phơ-rát và Ti-gơ-rơ ở khu vực Tây Nam Á.

- Hê-rô-đốt đã từng viết: Ai Cập là tặng phẩm của sông Nin. Sông Nin không chỉ tạo nên ở vùng thung lũng một dải đất phù sa màu mỡ, có chỗ dày tới 10m, mà hằng năm còn mang nước tưới cho cây cối, hoa màu tốt tươi, biến Ai Cập từ “một đồng cát bụi” trở thành “một vườn hoa”...
- Về mùa xuân, nước sông Ô-phơ-rát và Ti-gơ-rơ dâng cao, mang phù sa màu mỡ bồi đắp cho vùng hạ lưu, biến vùng cửa sông trở thành đồng bằng, bờ biển của vịnh Ba Tư phải lùi xa gần 200km.

(Theo Lương Ninh (Chủ biên), *Lịch sử thế giới cổ đại*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2015, tr.34, 63)



▲ Hình 3. Lược đồ Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại

Khoảng 6 000 năm trước, người Ai Cập và Lưỡng Hà đã biết làm nông nghiệp. Họ đã phát minh ra cái cày, biết sử dụng sức kéo của động vật để cày ruộng, biết đắp đê, đào hồ và làm hệ thống kênh mương tưới tiêu.

Các dòng sông trở thành những tuyến đường giao thương chính, thúc đẩy thương mại ở Ai Cập và Lưỡng Hà phát triển.

Nhờ biết khai thác những thuận lợi của điều kiện tự nhiên, cư dân Ai Cập, Lưỡng Hà đã sớm tạo dựng được nền văn minh của mình.



▲ Hình 4. Người Ai Cập cổ đại cày tác nông nghiệp (tranh vẽ)

1. Dựa vào hai đoạn tư liệu (tr.30), hãy chỉ ra những điểm nổi bật về điều kiện tự nhiên ở Ai Cập, Lưỡng Hà cổ đại.
2. Hình 4 cho em biết điều gì về sản xuất nông nghiệp của người Ai Cập cổ đại?

2. Hành trình lập quốc của người Ai Cập và Lưỡng Hà

Khoảng năm 3200 TCN, ông vua huyền thoại có tên là Mê-nét đã thống nhất các công xã (còn gọi là các nôm) thành Nhà nước Ai Cập. Từ đó, Ai Cập đã trải qua các giai đoạn: Tảo kì vương quốc, Cổ vương quốc, Trung vương quốc, Tân vương quốc và Hậu kì vương quốc. Đến giữa thế kỉ I TCN thì bị La Mã xâm lược và thống trị.

Ở Lưỡng Hà, vào khoảng thiên niên kỉ IV TCN, người Xu-me đến định cư và xây dựng các nhà nước thành bang tại vùng hạ lưu hai dòng sông. Sau đó người Ác-cát, Át-xi-ri, Ba-bi-lon,... đã thành lập vương triều của mình, thay nhau làm chủ vùng đất này cho đến khi bị Ba Tư xâm lược vào năm 539 TCN.

Ở Ai Cập, vua được gọi là pha-ra-ông (kẻ ngự trong cung điện), còn ở Lưỡng Hà gọi là en-xi (người đứng đầu).

Nhà nước do vua đứng đầu và có toàn quyền gọi là nhà nước quân chủ chuyên chế.

2. Dựa vào thông tin trên và khai thác trực thời gian (tr.29), hãy nêu quá trình thành lập nhà nước của người Ai Cập và Lưỡng Hà.

3. Những thành tựu văn hoá chủ yếu

Người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại có nhiều phát minh quan trọng còn có giá trị đến ngày nay như cách làm thủy lợi, phát minh ra cái cây, bánh xe, chữ viết,...

Em có biết?

Người Ai Cập đã dùng thân cây pa-pi-rút (papyrus) để tạo ra giấy. Từ “paper” (giấy viết trong tiếng Anh) có gốc từ “papyrus”. Người Lưỡng Hà dùng những vật nhọn có hình tam giác làm “bút” rồi viết lên tấm đất sét ướt, tạo thành chữ giống hình cái nêm nên gọi là chữ hình nêm.



▲ Hình 5. Một tác phẩm điêu khắc của người Lưỡng Hà miêu tả việc sử dụng bánh xe

Người Ai Cập dùng hình vẽ thực để biểu đạt ý niệm gọi là chữ tượng hình (hình 1, tr.29). Người Lưỡng Hà dùng chữ hình nêm. Đó là những loại chữ cổ nhất thế giới.



▲ Hình 6. Vườn treo Ba-bi-lon (tranh minh họa)

Người Ai Cập đã biết làm các phép tính theo hệ đếm thập phân, còn người Lưỡng Hà thì theo hệ đếm 60, tính được diện tích các hình. Họ cũng biết làm lịch, một năm có 12 tháng, một tháng có 29 hoặc 30 ngày. Kỹ thuật ướp xác của người Ai Cập cũng còn nhiều điều bí ẩn mà ngày nay các nhà khoa học đang tìm lời giải đáp.

Người Ai Cập và Lưỡng Hà đã tạo dựng nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng, tiêu biểu nhất là các kim tự tháp và tượng Nhân sư ở Ai Cập, vườn treo Ba-bi-lon ở Lưỡng Hà, đều là kì quan của thế giới cổ đại.



Em có biết?

Kim tự tháp Kê-ốp cao tới 147m. Để xây dựng công trình này, người ta sử dụng tới 2,3 triệu tảng đá, mỗi tảng nặng từ 2,5 đến 4 tấn được ghè đẽo theo kích thước đã định, rồi mài nhẵn và xếp chồng lên nhau mà không dùng bất cứ vật liệu kết dính nào. Trải qua hàng nghìn năm, đến nay các kim tự tháp vẫn đứng vững như muốn thách thức với thời gian.

▲ Hình 7. Kim tự tháp và tượng Nhân sư ở Ai Cập

? Nêu những thành tựu văn hoá chủ yếu của Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

Luyện tập và Vận dụng

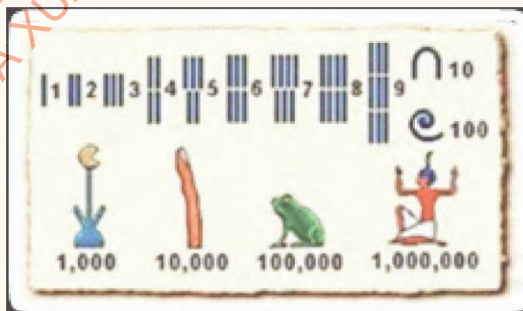


1. Từ các hình ảnh và thông tin ở mục 3, em ấn tượng nhất với thành tựu văn hoá nào của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại? Vì sao?



2. Em hãy nêu một số vật dụng hay lĩnh vực mà ngày nay chúng ta đang thừa hưởng từ các phát minh của người Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại.

3. Dựa vào bảng chữ số của người Ai Cập cổ đại dưới đây, em hãy làm các phép tính sau: $124 + 321 = ?$ và $1565 - 1243 = ?$ theo cách viết của họ.



Bài 8

ẤN ĐỘ CỔ ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ảnh hưởng đến sự hình thành của nền văn minh.
- Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ thời cổ đại.
- Nhận biết được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ thời cổ đại.



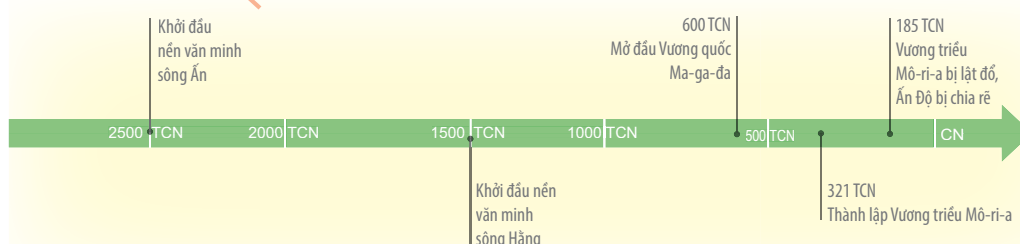
Tắm nước sông Hằng (Cum Me-la) là một trong những lễ hội tôn giáo cổ và lớn nhất thế giới. Tín đồ Ấn Độ giáo tin tưởng nước ở sông Hằng (sông Mẹ) linh thiêng sẽ tẩy rửa mọi tội lỗi của họ. Vì sao ở Ấn Độ – một cường quốc kinh tế hiện nay mà vẫn còn duy trì những phong tục cổ xưa như thế? Các con sông lớn đã có vai trò ra sao trong việc hình thành, phát triển nền văn minh Ấn Độ cổ đại? Cư dân cổ nơi đây đã đóng góp những gì cho nhân loại?



▲ Hình 1. Lễ hội tắm nước sông Hằng được tổ chức ở một số thành phố thuộc miền Bắc Ấn Độ ngày nay

1. Điều kiện tự nhiên

Ấn Độ là một bán đảo ở Nam Á, có ba mặt giáp biển, nằm trên trục đường biển từ Tây sang Đông. Phía bắc được bao bọc bởi một vòng cung khổng lồ là dãy Hi-ma-lay-a; thoải dần về phía nam là các đồng bằng sông Ấn, sông Hằng rộng lớn. Chính nơi đây đã hình thành nên những trung tâm văn minh sớm nhất của nhân loại.





▲ Hình 2. Lược đồ Ấn Độ cổ đại

Miền Trung và miền Nam là cao nguyên Đê-can với rừng rậm và núi đá hiểm trở; chỉ có vùng cực Nam và dọc theo hai bờ ven biển là những đồng bằng nhỏ hẹp, là nơi sinh sống tương đối thuận lợi, dân cư đông đúc.

Lưu vực sông Ấn chịu tác động của sa mạc nên rất ít mưa, khí hậu khô nóng. Ở lưu vực sông Hằng, do tác động của gió mùa nên lượng mưa nhiều, cây cối tươi tốt.

- ❓ Khai thác lược đồ trên và thông tin trong mục 1, hãy cho biết nét chính về điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng ở Ấn Độ.



Kết nối với địa lí

Sông Ấn dài gần 3 000km, theo tiếng Phạn là Sindhu (Sin-đu), về sau, người Ba Tư đọc thành Hindus (Hin-đu) và gọi bán đảo Ấn Độ là Hindustan (Hin-đu-xtan) (nghĩa là “xứ các con sông”).

Kết nối với văn hoá



Hình 4. Báo Le Paria

Tầng lớp thấp kém nhất trong đẳng cấp thứ tư là *Pa-ri-a* (*Pariah*) (sự không thừa nhận). Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc đã dùng từ “*Pariah*” để đặt tên cho tờ báo *Le Paria* (Người cùng khổ) nói về đời sống của các dân tộc bị áp bức.

2. Chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại

Khoảng năm 2500 TCN, người bản địa Đra-vi-đa đã xây dựng những thành thị đầu tiên dọc theo hai bên bờ sông Ấn.

Giữa thiên niên kỉ II TCN, người A-ri-a từ vùng Trung Á tràn vào miền Bắc Ấn Độ, xua đuổi người Đra-vi-đa và biến họ thành đẳng cấp thứ tư (Su-đra) trong hệ thống bốn đẳng cấp (dựa trên sự phân biệt về chủng tộc và màu da). Chế độ này còn được gọi là chế độ đẳng cấp Vác-na.



Hình 3. Sơ đồ chế độ đẳng cấp Vác-na

❓ Nêu những điểm chính của chế độ xã hội ở Ấn Độ cổ đại.

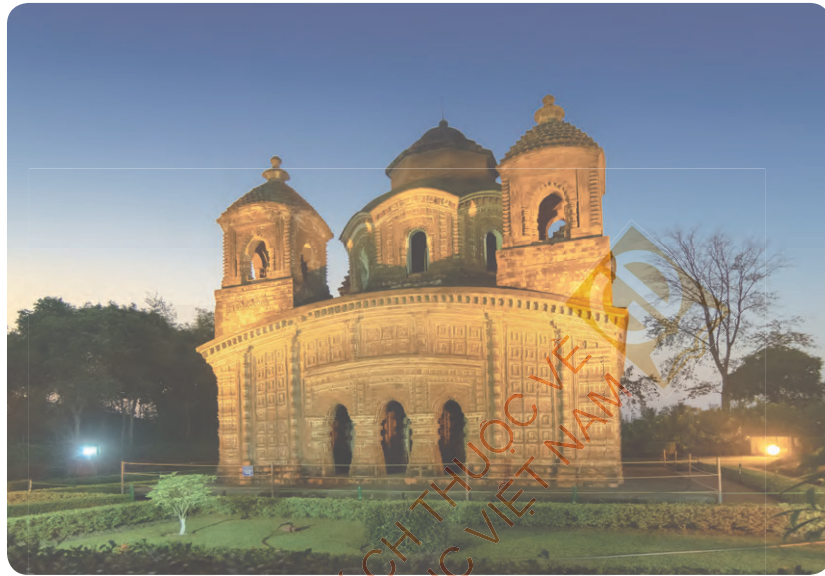
3. Những thành tựu văn hoá tiêu biểu

Người Ấn Độ tạo ra chữ viết từ rất sớm. Chữ viết cổ nhất của họ khắc trên các con dấu, được phát hiện ở lưu vực sông Ấn, có từ hơn 2 000 năm TCN. Vào khoảng thế kỉ VII TCN, chữ Phạn (San-xkrít) ra đời dựa trên việc cải biên những chữ viết cổ đã có trước đó. Đây là cơ sở của nhiều loại chữ viết ở Ấn Độ và Đông Nam Á sau này.



Hình 5. Kí tự tượng hình khắc trên một con dấu bằng đất nung được tìm thấy ở Ha-ráp-pa – thành phố cổ thuộc lưu vực sông Ấn

Hai tác phẩm văn học nổi bật nhất thời cổ đại là *Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-y-a-na*, có ảnh hưởng to lớn tới sự phát triển của văn học Ấn Độ và Đông Nam Á ở các giai đoạn sau này.



▲ Hình 6. Các bức điêu khắc bằng đất nung ở ngôi đền Si-am Rai (Ấn Độ) mô tả cảnh trong sử thi *Ra-ma-y-a-na* và *Ma-ha-bha-ra-ta*

Người Ấn Độ cổ đại đã biết làm lịch. Họ cũng là chủ nhân của 10 chữ số mà ngày nay được dùng rộng rãi trên thế giới, đặc biệt là chữ số 0. Người Ả Rập đã học tập chữ số Ấn Độ rồi truyền sang châu Âu.

0	1	2	3	4	5	6	7	8	9
○	१	२	३	४	५	६	७	८	९

▲ Hình 7. Hệ thống 10 chữ số mà người Ấn Độ cổ đại phát minh ra

Ấn Độ cổ đại là quê hương của các tôn giáo lớn. Ra đời sớm nhất là đạo Bà La Môn. Những thế kỉ đầu Công nguyên, đạo Bà La Môn phát triển thành đạo Hin-đu (Ấn Độ giáo).

Khoảng thế kỉ VI TCN, Phật giáo được hình thành, người sáng lập là Xít-đác-ta Gô-ta-ma (Thích Ca Mâu Ni).

Công trình kiến trúc tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại là cột đá A-sô-ca và đại bảo tháp San-chi.

Kết nối với văn học

Ma-ha-bha-ra-ta là bản trường ca gồm 110 000 câu thơ đối, được coi là một bộ “bách khoa toàn thư” về đời sống xã hội Ấn Độ thời cổ đại. *Ra-ma-y-a-na* là một bộ sử thi dài 24 000 câu thơ đối, kể về tình yêu giữa chàng Hoàng tử Ra-ma và Công chúa Si-ta.



Kết nối với ngày nay

Quốc huy của Ấn Độ hiện nay có biểu tượng đầu trụ cột đá A-sô-ca, cùng với dòng chữ *Satyameva Jayate* (Chỉ có chân lí đặc thắng).



▲ Hình 8. Đầu trụ cột đá A-sô-ca



▲ Hình 9. Đại bảo tháp San-chi – đỉnh cao của nghệ thuật Phật giáo Ấn Độ

? Dựa vào thông tin và các hình ảnh ở trên, hãy nêu những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ cổ đại.

Luyện tập và Vận dụng



1. Sự phân hoá trong xã hội Ấn Độ cổ đại được biểu hiện như thế nào?



2. Thành tựu văn hoá nào của người Ấn Độ cổ đại vẫn được sử dụng hoặc được bảo tồn đến ngày nay?

Bài 9

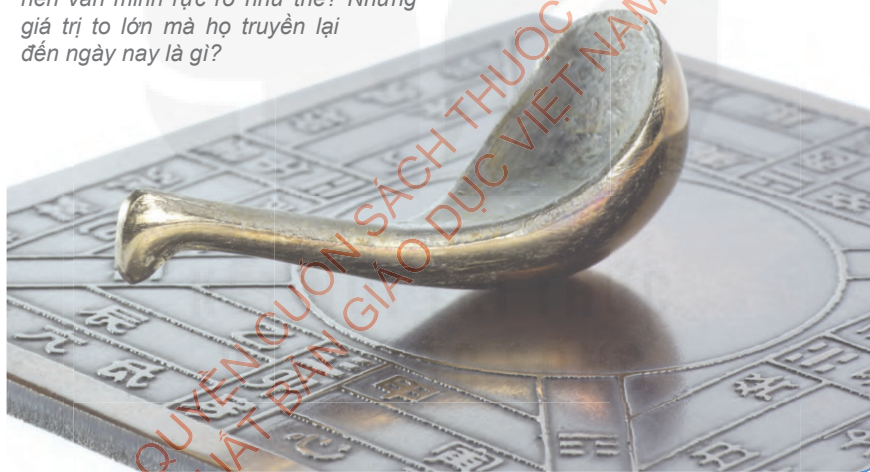
TRUNG QUỐC TỪ THỜI CỔ ĐẠI ĐẾN THẾ KỈ VII

Học xong bài này, em sẽ:

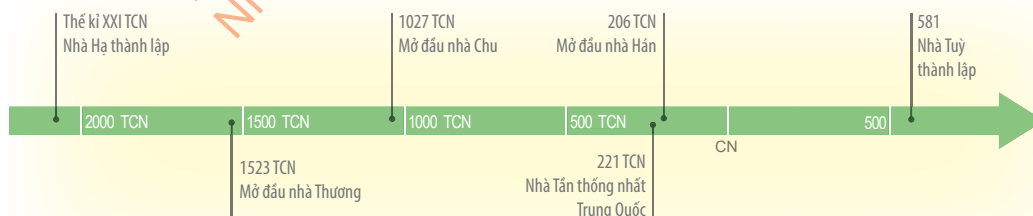
- Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc thời cổ đại.
- Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng.
- Xây dựng được đường thời gian từ nhà Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.
- Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc thời cổ đại.



Từ thời xa xưa, người Trung Quốc đã chế tạo ra la bàn để xác định phương hướng. Họ còn là chủ nhân của một nền văn minh phát triển với nhiều thành tựu mà cho đến ngày nay nhân loại vẫn đang được thừa hưởng. Vậy, điều kiện nào đã giúp người Trung Quốc cổ đại tạo dựng được nền văn minh rực rỡ như thế? Những giá trị to lớn mà họ truyền lại đến ngày nay là gì?



▲ Hình 1. La bàn – một phát minh của người Trung Quốc





Kết nối với địa lí

Hoàng Hà là sông dài thứ hai Trung Quốc và thứ sáu thế giới (5 464km), Trường Giang là sông dài nhất Trung Quốc và thứ ba thế giới (6 300km).

1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại

Người Trung Quốc đã xây dựng nền văn minh đầu tiên ở lưu vực Hoàng Hà, sau đó mở rộng đến lưu vực Trường Giang (Dương Tử). Phù sa của hai dòng sông này đã tạo nên đồng bằng Hoa Bắc, Hoa Trung và Hoa Nam rộng lớn, phì nhiêu, thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Tuy nhiên, lũ lụt do hai con sông cũng đã gây ra nhiều khó khăn cho đời sống của người dân.

Thượng nguồn các dòng sông là vùng đất cao, có nhiều đồng cỏ nên chăn nuôi đã phát triển từ sớm.

? Theo em, Hoàng Hà và Trường Giang đã tác động như thế nào đến cuộc sống của cư dân Trung Quốc thời cổ đại?

2. Nhà Tần thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc



▲ Hình 2. Lược đồ Trung Quốc thời nhà Tần

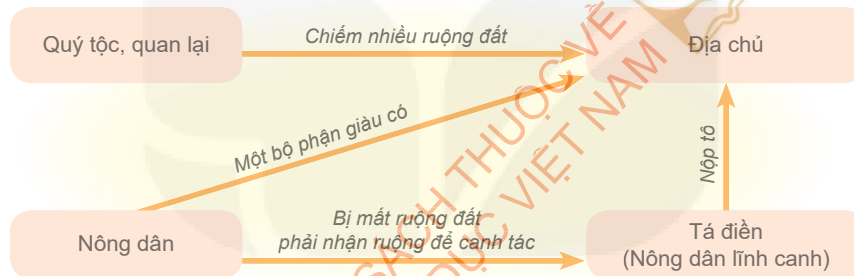
Từ thế kỉ XXI đến thế kỉ III TCN, lịch sử Trung Quốc trải qua các triều đại Hạ, Thương, Chu. Sau triều đại nhà Chu, Trung Quốc lại bị chia thành nhiều nước nhỏ. Trong đó, nước Tần có tiềm lực kinh tế và quân sự mạnh nhất, lần lượt tiêu diệt các đối thủ. Năm 221 TCN, Tần Thủy Hoàng đã thống nhất lãnh thổ, tự xưng hoàng đế. Nhà Tần chia đất nước thành các quận, huyện, đặt các chức quan cai quản, lập ra triều đại phong kiến đầu tiên ở Trung Quốc.

Để củng cố sự thống nhất đất nước, nhà Tần còn áp dụng chế độ đo lường, tiền tệ, chữ viết và pháp luật chung trên cả nước.

Nhiều giai cấp mới được hình thành. Quan hệ bóc lột giữa địa chủ và tá điền dần được xác lập.



Hình 3. Tần Thủy Hoàng (259 TCN – 210 TCN)



Hình 4. Sơ đồ sự phân hóa xã hội dưới thời nhà Tần

Nhà Tần tồn tại 15 năm, sau đó bị suy yếu. Năm 206 TCN, Lưu Bang – một địa chủ phong kiến đã lật đổ triều đại nhà Tần, lập ra nhà Hán.

❓ Nhà Tần đã thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc như thế nào?

3. Trung Quốc từ thời nhà Hán đến thời nhà Tùy (206 TCN – thế kỉ VII)

Nhà Hán (206 TCN – 220) tiếp tục củng cố bộ máy cai trị và mở rộng lãnh thổ. Đây là một trong những triều đại thịnh vượng của chế độ phong kiến Trung Quốc, có ảnh hưởng lớn tới các dân tộc láng giềng.

Sau thời nhà Hán, lịch sử Trung Quốc tiếp tục trải qua các thời kì Tam quốc (220 – 280), nhà Tấn (280 – 420), Nam – Bắc triều (420 – 581). Đến năm 581, nhà Tùy mới thống nhất lại Trung Quốc.

❓ Hãy xây dựng trục thời gian từ thời nhà Hán đến thời nhà Tùy.

Em có biết?

Các triều đại Trung Quốc liên tiếp mở những cuộc chiến tranh để mở rộng lãnh thổ. Đó cũng chính là nguyên nhân khiến nhân dân Việt Nam đã phải trải qua hơn một nghìn năm đấu tranh chống Bắc thuộc.

4. Một số thành tựu nổi bật của văn minh Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII



▲ Hình 5. Chữ giáp cốt – nguồn gốc của chữ Hán ngày nay



▲ Hình 6. Tượng Khổng Tử – người đặt nền móng cho sự hình thành Nho giáo

Em có biết?

Sử kí của Tư Mã Thiên là công trình sử học lớn nhất Trung Quốc thời cổ đại và nổi tiếng toàn thế giới. Đây cũng là một trong những tác phẩm văn học tiêu biểu của nhân loại.

Từ thời nhà Thương, người Trung Quốc đã khắc chữ trên mai rùa, xương thú, gọi là giáp cốt văn.

Kinh Thi là tập thơ cổ nhất ở Trung Quốc, gồm nhiều sáng tác dân gian, được Khổng Tử sưu tập và chỉnh lí. Nhiều bài thơ trong đó là nguồn cảm hứng sáng tác thơ ca Trung Quốc giai đoạn sau, đồng thời cũng ảnh hưởng lớn đến văn học của các nước khác, trong đó có Việt Nam.

Thời cổ đại, xuất hiện nhiều nhà tư tưởng nổi tiếng, tiêu biểu là Khổng Tử và Lão Tử.

Người Trung Quốc xưa rất có ý thức về việc chép sử. Những bộ sử tiêu biểu như *Sử kí* của Tư Mã Thiên, *Hán thư* của Ban Cố,...

Người Trung Quốc cũng đã phát minh ra một loại lịch dựa trên sự kết hợp giữa âm lịch và dương lịch mà cho đến ngày nay vẫn ảnh hưởng đến cách tính thời gian của nhiều nước phương Đông, trong đó có Việt Nam.

Thế kỉ II TCN, họ đã phát minh ra thiết bị đo động đất sớm nhất thế giới gọi là *địa động nghi*.

Đặc biệt, người Trung Quốc cổ đại đã có bốn phát minh quan trọng về mặt kĩ thuật, đó là giấy, thuốc nổ, la bàn và kĩ thuật in.

Bộ *Hoàng đế nội kinh* của Hoa Đà (một trong “tứ đại danh y” của Trung Quốc) được coi là sách kinh điển của y học cổ truyền Trung Hoa. Hoa Đà cũng là người đầu tiên thực hiện phương pháp phẫu thuật gây mê.

Các triều đại từ Tần đến Tuỳ đều chú trọng xây dựng những công trình kiến trúc đồ sộ.

? Kể tên một số thành tựu văn minh tiêu biểu của người Trung Quốc cổ đại.



Kết nối với ngày nay

Năm 1974, người ta đã tìm thấy ở lăng Ly Sơn 8 000 bức tượng binh lính bằng đất nung. Điều kì lạ là mỗi bức tượng một vẻ, sống động như người thật.

Vạn Lý Trường Thành là điểm du lịch nổi tiếng ở Trung Quốc, thu hút hàng triệu khách du lịch mỗi năm.

Hiện nay, hai công trình trên đều được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới.



▲ Hình 7. Những bức tượng bằng đất nung được khai quật ở lăng Ly Sơn (tỉnh Thiểm Tây)



▲ Hình 8. Vạn Lý Trường Thành được kết nối và tiếp tục xây dựng từ thời nhà Tần để bảo vệ Trung Quốc khỏi những cuộc tấn công từ bên ngoài

Luyện tập và Vận dụng



1. Điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại đã tác động như thế nào đến sự hình thành nền văn minh của quốc gia này?



2. Trong các thành tựu của văn minh Trung Quốc cổ đại, em ấn tượng nhất thành tựu nào? Vì sao?

Bài 10

HY LẠP VÀ LA MÃ CỔ ĐẠI

Học xong bài này, em sẽ:

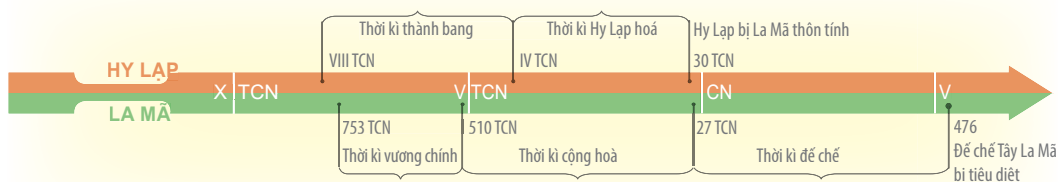
- Giới thiệu và nhận xét được tác động của điều kiện tự nhiên (hải cảng, biển đảo) đối với sự hình thành, phát triển của nền văn minh Hy Lạp và La Mã.
- Trình bày được tổ chức nhà nước thành bang, nhà nước đế chế ở Hy Lạp và La Mã.
- Nêu được một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã.



Không có cơ sở của văn minh Hy Lạp và La Mã thì không có châu Âu hiện đại (theo Ăng-ghe-nơ). Theo em, điều gì khiến cho nền văn minh cổ đại này được đánh giá cao như vậy? Văn minh Hy Lạp và La Mã thời cổ đại có điểm gì nổi bật?



Hình 1. Đền Pác-tê-nông – công trình kiến trúc tiêu biểu của Hy Lạp cổ đại



1. Điều kiện tự nhiên

a) Hy Lạp cổ đại



▲ Hình 2. Lược đồ Hy Lạp thời cổ đại

Vùng đất của Hy Lạp cổ đại lớn hơn nước Hy Lạp ngày nay rất nhiều với trung tâm nằm ở phía nam bán đảo Ban-căng. Địa hình ở đây bị chia cắt thành nhiều vùng đồng bằng nhỏ hẹp bởi các dãy núi thấp chạy dài ra biển. Đất đai canh tác ít và không màu mỡ, chỉ thích hợp trồng các cây lâu năm như nho, ô liu,... Bù lại, Hy Lạp có nhiều vũng, vịnh, thuận lợi cho việc lập những hải cảng. Ở đây còn có nhiều khoáng sản như đồng, vàng, bạc,...



▲ Hình 3. Cảng Pi-rê ngày nay là cảng chính ở Hy Lạp, cách Thủ đô A-ten hơn 10 km. Đây là một trong những cảng hành khách lớn nhất ở châu Âu

Cảng Pi-rê là trung tâm xuất – nhập khẩu và buôn bán nô lệ sầm uất nhất của thế giới cổ đại. Từ cảng Pi-rê, A-ten xuất khẩu sang các quốc gia lân bang những sản phẩm nổi tiếng như rượu nho, dầu ô liu, đồ gốm màu, đá cẩm thạch, thiếc, chì, vải,... và nhập về các mặt hàng thiết yếu như ngũ cốc từ Hắc Hải, Bắc Phi, hạt tiêu từ Ấn Độ, chà là và lúa mì của vùng Lưỡng Hà,...

(Theo Lịch sử thế giới cổ đại,
Săd, tr.178 – 179)

1. Quan sát lược đồ, hãy cho biết vị trí địa lí của Hy Lạp cổ đại có điểm gì nổi bật.
2. Theo em, với điều kiện tự nhiên như trên, cư dân Hy Lạp cổ đại có ưu thế để phát triển các ngành kinh tế nào?



▲ Hình 5. Sơ đồ tổ chức Nhà nước thành bang A-ten



▲ Hình 6. Tượng Pê-ri-clét (495 – 429 TCN) – Chắp chính quan trong thời đại hoàng kim của A-ten

Em có biết?

“Chế độ bỏ phiếu bằng vỏ sò” là gì?

Nếu công dân nào bị nghi ngờ có âm mưu, hành vi đe dọa tới nền dân chủ thì Đại hội nhân dân sẽ tiến hành bỏ phiếu kín, bằng cách ghi tên người đó lên các mảnh vỏ sò hoặc mảnh gốm. Nếu có 6 000 phiếu cùng ghi tên một người thì người đó buộc phải rời khỏi A-ten trong thời hạn 10 năm.

? Hãy trình bày những nét chính về tổ chức nhà nước thành bang ở Hy Lạp. Những ưu điểm của tổ chức nhà nước thành bang là gì?

3. Nhà nước đế chế La Mã cổ đại

Từ một thành bang nhỏ bé ở miền Trung bán đảo I-ta-li-a, Nhà nước La Mã đã dần mở rộng lãnh thổ, trở thành đế quốc rộng lớn vào thế kỉ I TCN. Năm 27 TCN, Ôc-ta-vi-út được tôn lên thành Đấng tối cao, có quyền lực như hoàng đế, mở đầu thời kì đế chế.



▲ Hình 7. Tượng Ôc-ta-vi-út (63 TCN – 14) – người mở đầu thời kì đế chế La Mã



▲ Hình 8. Sơ đồ tổ chức Nhà nước đế chế ở La Mã

? Dựa vào thông tin trong mục và sơ đồ trên, hãy trình bày tổ chức nhà nước đế chế ở La Mã.

4. Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã

Người Hy Lạp và La Mã đã sáng tạo ra hệ chữ cái La-tinh (A, B, C,...) và chữ số La Mã mà ngày nay chúng ta đang sử dụng.

Chữ cái cổ Hy Lạp	Chữ cái La-tinh
Α α	A
Β β	B
Γ γ	C
Δ δ	D
Ε ε	E
Ζ ζ	F
Η η	H

▲ Hình 9. Bảng chữ cái cổ Hy Lạp và La-tinh

1 = I	10 = X	100 = C	1000 = M
2 = II	20 = XX	200 = CC	2000 = MM
3 = III	30 = XXX	300 = CCC	3000 = MMM
4 = IV	40 = XL	400 = CD	
5 = V	50 = L	500 = D	
6 = VI	60 = LX	600 = DC	
7 = VII	70 = LXX	700 = DCC	
8 = VIII	80 = LXXX	800 = DCCC	
9 = IX	90 = XC	900 = CM	

▲ Hình 10. Bảng chữ số La Mã

Văn học Hy Lạp, La Mã cổ đại phong phú về thể loại (thần thoại, kịch và thơ). Một số tác giả tiêu biểu là Hô-me với tác phẩm *I-li-át* và *Ô-đi-xê* (Hy Lạp), nhà soạn kịch Xô-phôc với vở *O-đip làm vua* (Hy Lạp),...

Hy Lạp là quê hương của các nhà khoa học nổi tiếng như: Pi-ta-go, Ta-lét, Ác-si-mét,...

Người Hy Lạp và La Mã sáng tạo ra dương lịch.

Các nhà sử học tiêu biểu của Hy Lạp, La Mã thời cổ đại là Hê-rô-đốt, Tuy-xi-đít, Pô-li-bi-út với nhiều bộ sử đồ sộ.

Những tác phẩm điêu khắc nổi tiếng của Hy Lạp, La Mã cổ đại là các bức tượng: Thần Vệ nữ Mi-lô, Lực sĩ ném đĩa, Nữ thần A-tê-na,...



▲ Hình 11. Tượng Lực sĩ ném đĩa bằng đá cẩm thạch trắng

Người Hy Lạp và La Mã cổ đại đã xây dựng những công trình kiến trúc nổi tiếng. Trong đó, nhiều công trình còn được bảo tồn đến ngày nay.



▲ Hình 12. Đấu trường Cô-li-dê (La Mã)

❓ Hãy kể tên một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hy Lạp và La Mã cổ đại.

**Luyện tập
và Vận dụng**



1. Điều kiện tự nhiên tác động như thế nào đến sự hình thành và phát triển của văn minh Hy Lạp, La Mã?



2. Có ý kiến cho rằng: Người Hy Lạp và La Mã cổ đại đạt được những thành tựu văn hoá rực rỡ là do tiếp thu những thành tựu của người phương Đông cổ đại. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Vì sao?

3. Theo em, thành tựu văn hoá nào của Hy Lạp, La Mã cổ đại còn được bảo tồn đến ngày nay?

CHƯƠNG

4

ĐÔNG NAM Á TỪ NHỮNG THẾ KỈ TIẾP GIÁP ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X

*Đền Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a) –
Di sản văn hoá thế giới*



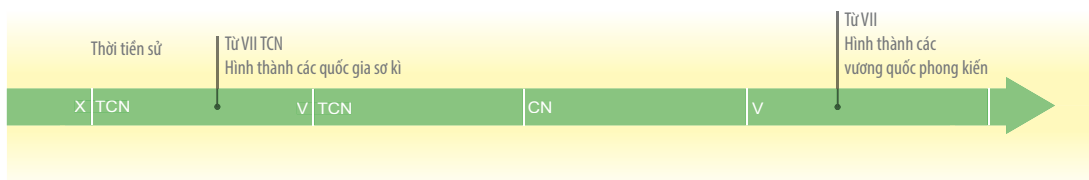
*Ruộng bậc thang ở Ba-na-u thuộc
vùng núi I-phi-gao (Phi-líp-pin) –
Di sản văn hoá thế giới*



Nằm ở vị trí kết nối giữa Trung Quốc với Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải, Đông Nam Á đã sớm có mối giao lưu kinh tế – văn hoá với các nước phương Đông và phương Tây. Từ rất sớm, nơi đây đã hình thành các quốc gia độc lập với nền văn hoá đặc sắc. Đó là những giá trị mà các cư dân Đông Nam Á cổ xưa để lại, là hành trang để xây dựng Cộng đồng ASEAN bản sắc và hội nhập trong hiện tại và tương lai.

TRONG CHƯƠNG NÀY, EM SẼ ĐƯỢC TÌM HIỂU:

- Khái lược vị trí địa lí của vùng Đông Nam Á.
- Các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á.
- Sự hình thành và bước đầu phát triển của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X).
- Giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á (từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X).



Bài 11

CÁC QUỐC GIA SƠ KÌ Ở ĐÔNG NAM Á

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được sơ lược vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.
- Trình bày được quá trình xuất hiện và sự giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VII.



Em đã được học về Trung Quốc và Ấn Độ – những nền văn minh lớn của nhân loại. Giữa hai trung tâm văn minh này là khu vực Đông Nam Á, với vị trí rất quan trọng, là “ngã tư đường” của thế giới. Từ những thế kỉ trước đến đầu Công nguyên, ở đây đã hình thành các quốc gia đầu tiên. Quá trình đó diễn ra như thế nào? Các quốc gia đó đã phát triển ra sao đến thế kỉ VII?

1. "Cái nôi" của nền văn minh lúa nước

Do vị trí địa lí nằm án ngữ trên con đường hàng hải nối liền giữa Ấn Độ Dương với Thái Bình Dương, từ lâu khu vực Đông Nam Á vẫn được coi là cầu nối giữa Trung Quốc, Nhật Bản với Ấn Độ, Tây Á và Địa Trung Hải.

Đông Nam Á bao gồm hai khu vực riêng biệt là Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo; lại nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, có lượng mưa lớn nên rất thích hợp cho sự phát triển của cây lúa nước và nhiều cây trồng khác. Nơi đây được biết đến là "cái nôi" của nền văn minh lúa nước và là quê hương của nhiều loại cây gia vị, hương liệu nổi tiếng.

- ❓ Dựa vào thông tin ở trên, kết hợp khai thác lược đồ hình 1 (tr.52), hãy mô tả vị trí địa lí của khu vực Đông Nam Á.

2. Quá trình hình thành các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á

Ngay từ những thế kỉ trước Công nguyên đến đầu Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã phát triển nông nghiệp trồng lúa nước và một số nghề thủ công truyền thống như đúc đồng, rèn sắt, dệt, làm gốm,... Đây chính là cơ sở cho sự ra đời của những quốc gia sơ kì trong khu vực. Sự ra đời của các quốc gia này còn gắn liền với các hoạt động giao lưu kinh tế, văn hoá với Trung Quốc, Ấn Độ.

Phía đông đảo Boóc-nê-ô (Ma-lai-xi-a) đã phát hiện được bảy chiếc cột đá có khắc chữ San-xkrit (chữ Phạn)... Hiện vật gốm (Hán) trong những mộ táng ở Boóc-nê-ô cho thấy mối quan hệ buôn bán với Trung Quốc từ thời nhà Hán. Ở Thái Lan, tại di chỉ khảo cổ Pông-túc (thế kỉ III – IV) đã phát hiện được một số mảnh gốm, một số pho tượng Phật nhỏ bằng đồng, một đèn đồng kiểu La Mã.

(Theo Lương Ninh, *Đông Nam Á – Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, NXB Chính trị quốc gia – Sự thật, 2011, tr.57, 59)

Khoảng thế kỉ VII TCN đến thế kỉ VII, khu vực Đông Nam Á đã lần lượt xuất hiện một số quốc gia sơ kì như Văn Lang – Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam (thuộc Việt Nam), các quốc gia ở hạ lưu sông Chao Phray-a (thuộc Thái Lan) và các đảo thuộc In-đô-nê-xi-a ngày nay.



▲ Hình 1. Lược đồ vị trí các quốc gia sơ kì và phong kiến ở Đông Nam Á

Do vị trí thuận lợi, buôn bán bằng đường biển ở một số quốc gia ngày càng phát đạt. Một số thành thị đồng thời là những hải cảng sầm uất đã xuất hiện như Ốc Eo (Việt Nam), Ta-cô-la (bán đảo Mã Lai, nay thuộc Thái Lan).



▲ Hình 2. Đồng tiền vàng La Mã được phát hiện tại di chỉ Ốc Eo



▲ Hình 3. Nhẫn vàng khắc chữ Phạn của Ấn Độ – một hiện vật thuộc văn hoá Ốc Eo

- ❓ 1. Hãy chỉ và kể tên một số quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á trên lược đồ hình 1 (tr.53).
2. Tư liệu (tr.52) và hình 2, 3 chứng tỏ điều gì về giao lưu thương mại của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á vào những thế kỉ đầu Công nguyên.

**Luyện tập
và Vận dụng**



1. Tác động của việc giao lưu thương mại đối với sự ra đời của các quốc gia sơ kì Đông Nam Á như thế nào?



2. Sưu tầm thêm thông tin từ sách, báo, internet về quá trình hình thành của một quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á mà em thích và chia sẻ với bạn.
3. Sưu tầm những câu thành ngữ, tục ngữ của người Việt liên quan đến lúa, gạo.

Bài 12

SỰ HÌNH THÀNH VÀ BƯỚC ĐẦU PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC PHONG KIẾN Ở ĐÔNG NAM Á (TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN THẾ KỈ X)

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được sự hình thành và phát triển ban đầu của các vương quốc phong kiến ở Đông Nam Á (từ thế kỉ VII đến thế kỉ X).
- Phân tích được tác động chính của quá trình giao lưu thương mại ở các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đến thế kỉ X.



Trong quá trình phát triển, các quốc gia sơ kì ở Đông Nam Á đã dần tạo lập được những cơ sở đưa đến sự ra đời của các vương quốc phong kiến đầu tiên. Những nền tảng kinh tế đã được tạo dựng vững chắc như thế nào để tạo ra bước phát triển mới cho Đông Nam Á trong giai đoạn thịnh vượng sau này?

1. Sự hình thành các vương quốc phong kiến

Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X, ở khu vực Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia, lấy một bộ tộc đông và phát triển nhất làm nòng cốt như: quốc gia Đại Cồ Việt của người Việt (ở Bắc Việt Nam), các vương quốc Sri Kse-tra của người Môn và Pa-gan của người Miến (ở lưu vực sông I-ra-oa-đi); Vương quốc Đava-ra-va-ti của người Môn (ở lưu vực sông Chao Phray-a); Vương quốc Chân Lạp của người Khơ-me (ở vùng trung lưu sông Mê Công); Vương quốc Sri Vi-giay-a của người Mã Lai (trên đảo Xu-ma-tra); Vương quốc Ka-lin-ga của người In-đô-nê-xi-a (trên đảo Gia-va).

- ❓ Quan sát lược đồ hình 1 (tr.52) và thông tin trong bài học, em hãy nêu tên và xác định nơi hình thành các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

Em có biết?

Sri Vi-giay-a là một vương quốc nằm trên vùng eo biển Sun-đa, thuộc đảo Xu-ma-tra (nổi tiếng có nhiều vàng, bạc và đồ gia vị, nên còn được gọi là đảo Vàng). Sau này, Sri Vi-giay-a trở thành một quốc gia hùng mạnh, trung tâm kinh tế, văn hoá quan trọng ở khu vực Đông Nam Á.

2. Hoạt động kinh tế ở các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X

Trên nền tảng của các quốc gia sơ kì, kinh tế của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á vẫn tiếp tục phát triển.

Các vương quốc lấy nông nghiệp làm ngành kinh tế chính, chủ yếu nằm ở vùng lục địa (như Chăm-pa, Chân Lạp), ở lưu vực sông Chao Phray-a (Thái Lan), lưu vực sông I-ra-oa-đi (Mi-an-ma ngày nay),...

Một số quốc gia chủ yếu dựa vào hoạt động thương mại biển như Sri Vi-giay-a, Ka-lin-ga, Ma-ta-ram (In-đô-nê-xi-a ngày nay). Với nguồn sản vật phong phú, đặc biệt là gia vị, các vương quốc này góp nhiều mặt hàng chủ lực trên những tuyến buôn bán đường biển kết nối Á – Âu, mà sau này gọi là Con đường Gia vị.



Hạt tiêu



Hoa hồi



Nhục đậu khấu



Quế



Gừng

▲ Hình 1. Một số sản phẩm gia vị chủ yếu ở Đông Nam Á

Đế quốc của nhà vua rất đông dân cư... Nhà vua có nhiều loại dầu thơm và cây thuốc mà không một ông vua nào có được. Đất đai sản sinh ra long não, trầm hương, đinh hương, đàn hương, đậu khấu, sa nhân,... – Nhận xét của một nhà địa lí Ả Rập về Vương quốc Sri Vi-giay-a.

(Theo Lương Ninh (Chủ biên) *Đông Nam Á – Lịch sử từ nguyên thủy đến ngày nay*, Sđd, tr.106)

Quá trình giao lưu thương mại với nước ngoài đã thúc đẩy sự phát triển của các vương quốc trong khu vực. Vì thế trong thời kì này, ở các vương quốc cũng xuất hiện một số thương cảng sầm uất như Đại Chiêm (Chăm-pa), Pa-lem-bang (Sri Vi-giay-a),... Những thương cảng này đã trở thành điểm kết nối kinh tế, văn hoá giữa các châu lục.

1. Khai thác tư liệu trên và cho biết thương nhân nước ngoài bị hấp dẫn bởi những sản vật nào của Vương quốc Sri Vi-giay-a?
2. Hãy trình bày hoạt động kinh tế chính của các vương quốc phong kiến Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.

Luyện tập và Vận dụng



1. Các vương quốc phong kiến Đông Nam Á đã phát huy những lợi thế nào để phát triển kinh tế?
2. Hoạt động giao lưu thương mại đã tác động như thế nào đến sự phát triển kinh tế các quốc gia phong kiến Đông Nam Á?



3. Có một câu chuyện thú vị như sau: Vào thế kỉ X, 1 pao nghệ tây (khoảng 4 lạng) có giá ngang với 1 con ngựa, 1 pao gừng có giá ngang 1 con bò.

Từ câu chuyện trên cùng thông tin trong bài học, hãy viết một đoạn văn ngắn (từ 3 – 5 câu) mô tả sự hấp dẫn của nguồn gia vị ở các vương quốc Đông Nam Á đối với thương nhân nước ngoài.

Bài 13

GIAO LƯU VĂN HOÁ Ở ĐÔNG NAM Á TỪ ĐẦU CÔNG NGUYÊN ĐẾN THẾ KỈ X

Học xong bài này, em sẽ:

Phân tích được những tác động chính của quá trình giao lưu văn hoá ở Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X.



Trong hơn mười thế kỉ hình thành và phát triển, ở Đông Nam Á đã diễn ra quá trình giao lưu văn hoá với Trung Quốc và Ấn Độ. Quá trình giao lưu đó đã tác động như thế nào đến văn hoá Đông Nam Á?

1. Tín ngưỡng, tôn giáo

Trong quá trình lịch sử, cư dân Đông Nam Á có nhiều tín ngưỡng dân gian như: tín ngưỡng phồn thực, tục thờ cúng tổ tiên, tục cầu mưa,...

Em có biết?

Tín ngưỡng phồn thực của người Chăm xưa nhằm cầu mong vạn vật sinh sôi, nảy nở, sung túc.

Sau này, khi Ấn Độ giáo được tiếp nhận, lin-ga (linh vật tượng trưng cho tín ngưỡng phồn thực) trở thành biểu tượng quyền lực cho nhà vua – người được đồng nhất với một vị thần, gọi là Thần Vua.



▲ Hình 1. Nghi lễ trong tết Tê nước Song-kran (ở Thái Lan) – một lễ hội liên quan đến tục cầu mưa của cư dân Đông Nam Á

Các tín ngưỡng bản địa đã dung hợp với Ấn Độ giáo (từ Ấn Độ), Phật giáo (từ Ấn Độ và Trung Quốc). Trong đó, các quốc gia chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đều có tín ngưỡng Thần – Vua (Chăm-pa, Chân Lạp,...).

? Đời sống tín ngưỡng – tôn giáo của các cư dân Đông Nam Á đã chịu ảnh hưởng từ văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc như thế nào?

2. Chữ viết – văn học

Nhiều nhóm cư dân Đông Nam Á đã tạo ra chữ viết riêng dựa trên hệ thống chữ cổ của người Ấn Độ.

Tám bia đầu tiên của người Khor-me bằng chữ Phạn và chữ Khor-me cổ là bia Ăng-co Bo-rây (Cam-pu-chia).

Trên cơ sở chữ Pa-li, người Môn (người Mi-an-ma) đã sáng tạo ra chữ Môn cổ.

Người Mã Lai đã sáng tạo ra chữ Mã Lai cổ, được tìm thấy trên tấm bia ở đảo Xu-ma-tra.

(Theo Vũ Dương Ninh, *Lịch sử văn minh thế giới*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2000, tr.172 – 173)

Riêng người Việt thì kế thừa hệ thống chữ Hán của người Trung Quốc.

Bên cạnh kho tàng văn học dân gian (ca dao, tục ngữ, hò vè,...), người Đông Nam Á cũng tiếp thu văn học của người Ấn Độ, tiêu biểu nhất là sử thi *Ma-ha-bha-ra-ta*, *Ra-ma-y-a-na* để sáng tạo bộ sử thi của dân tộc mình như: *Pha lặc – Pha Lam* (Lào), *Ra-ma-kiên* (Thái Lan), *Ra-ma-y-a-na* (In-đô-nê-xi-a), *Riêm Kê* (Cam-pu-chia),...



▲ Hình 2. Bia Võ Cạnh được tìm thấy ở Nha Trang, có niên đại khoảng thế kỉ III – IV, là tấm bia chữ Phạn cổ nhất ở Đông Nam Á



▲ Hình 3. Bức phù điêu của người Khor-me cổ đại ở đền Ăng-co Vát (Cam-pu-chia) mô tả cảnh trong sử thi Ra-ma-y-a-na

❓ Những bằng chứng nào chứng tỏ chữ viết, văn học Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc?

3. Kiến trúc – điêu khắc

Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng đậm nét của các tôn giáo như Ấn Độ giáo, Phật giáo.

Kiểu kiến trúc Ấn Độ giáo tiêu biểu ở Đông Nam Á là kiến trúc đền – núi, như đền Bô-rô-bu-đua, La-ra Giông-grang (In-đô-nê-xi-a), khu di tích Mỹ Sơn (Việt Nam),...

Nghệ thuật điêu khắc Đông Nam Á cũng chịu ảnh hưởng rõ rệt của Ấn Độ với các loại hình chủ yếu là phù điêu, các bức chạm nổi, tượng thần, Phật,...



▲ Hình 4. Đền Bô-rô-bu-đua – ki quan Phật giáo lớn nhất thế giới, được xây dựng vào thế kỉ VIII

? Kiến trúc và điêu khắc Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỉ X có điểm gì nổi bật?

Luyện tập và Vận dụng

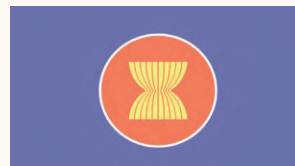


1. Văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc đã ảnh hưởng đến văn hoá Đông Nam Á như thế nào trong những thế kỉ đầu Công nguyên?



2. Tìm thêm thông tin và chia sẻ với bạn về một thành tựu văn hoá Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc.

3. Biểu tượng trên lá cờ của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ngày nay thể hiện điều gì?



CHƯƠNG

5

VIỆT NAM TỪ KHOẢNG THẾ KỈ VII TRƯỚC CÔNG NGUYÊN ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ X



Trống đồng Đông Sơn

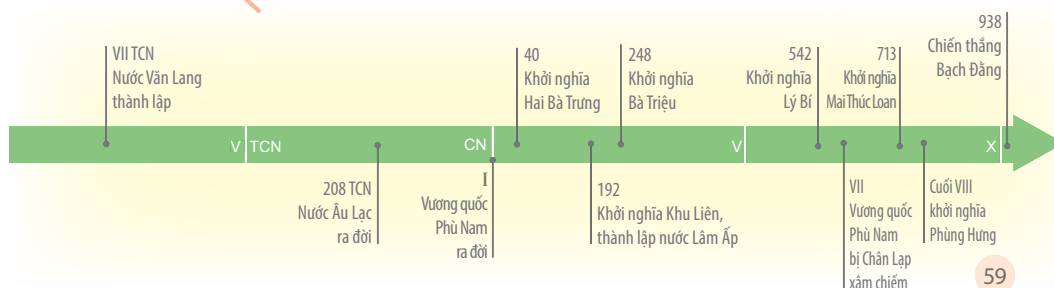


Tháp Chăm ở Ninh Thuận

TRONG CHƯƠNG NÀY, EM SẼ ĐƯỢC TÌM HIỂU:

- Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc.
- Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến về kinh tế – xã hội của Việt Nam thời Bắc thuộc.
- Các cuộc đấu tranh giành độc lập thời Bắc thuộc đến thế kỉ X.
- Cuộc đấu tranh giữ gìn và phát triển văn hoá của người Việt.
- Vương quốc Chăm-pa.
- Vương quốc Phù Nam.

Từ khoảng thế kỉ VII TCN đến những thế kỉ đầu Công nguyên, trên lãnh thổ Việt Nam đã hình thành các quốc gia sơ kì như: Văn Lang, sau đó là Âu Lạc, Chăm-pa và Phù Nam. Sự ra đời của các quốc gia này với những thành tựu văn hoá đặc sắc đã tạo dựng nên những giá trị truyền thống cốt lõi, góp phần định hình bản sắc văn hoá dân tộc. Thời kì này cũng chứng kiến sự nổi dậy mạnh mẽ của nhân dân ta nhằm đấu tranh giành lại quyền độc lập tự chủ cũng như bảo vệ và phát triển nền văn hoá của mình.



Bài 14

NHÀ NƯỚC VĂN LANG – ÂU LẠC

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được khoảng thời gian thành lập và xác định được phạm vi không gian của nước Văn Lang – Âu Lạc trên lược đồ.
- Trình bày được tổ chức nhà nước của Văn Lang – Âu Lạc.
- Mô tả được đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc.



Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba.

Từ lâu đời, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương đã ăn sâu vào tâm thức, tình cảm của những người dân Việt và trở thành truyền thống đặc biệt của dân tộc ta. Hình ảnh dưới đây đã phản ánh phần nào không khí của ngày giỗ Tổ. Đã bao giờ em tự hỏi: Điều gì đã thôi thúc nhân dân ta luôn hướng về mảnh đất cội nguồn?

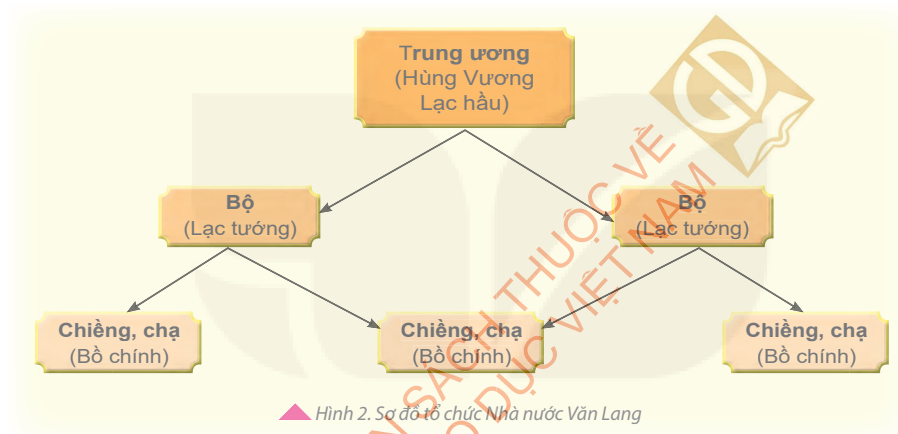


▲ Hình 1. Lễ hội Đền Hùng (Phú Thọ)

1. Nhà nước đầu tiên của người Việt cổ

Vào khoảng thế kỉ VII TCN, nhờ sự phát triển của công cụ bằng đồng và sắt, đời sống sản xuất của người Việt cổ đã có sự chuyển biến rõ rệt. Nhu cầu chung sống, cùng làm thuỷ lợi và chống ngoại xâm đã thúc đẩy sự ra đời của nhà nước đầu tiên ở Việt Nam – Nhà nước Văn Lang. Địa bàn chủ yếu của nước Văn Lang gắn liền với lưu vực các dòng sông lớn ở Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ ngày nay.

Nước Văn Lang chia làm 15 bộ, đứng đầu liên minh 15 bộ là Hùng Vương, tương truyền trải qua 18 đời, cha truyền con nối.



Tuy còn sơ khai, chưa có pháp luật thành văn và chữ viết,... nhưng sự ra đời của Nhà nước Văn Lang đã mở ra thời kì dựng nước đầu tiên trong lịch sử dân tộc.

1. Dựa vào thông tin trong mục 1 và sử dụng bản đồ hành chính Việt Nam, hãy xác định phạm vi không gian chủ yếu của nước Văn Lang trên bản đồ.
2. Nhà nước Văn Lang ra đời vào thời gian nào? Hãy nêu ý nghĩa sự ra đời của Nhà nước Văn Lang.

2. Sự ra đời nước Âu Lạc

Cuối thế kỉ III TCN, nhà Tần đem quân đánh xuống phía nam. Người Lạc Việt và người Âu Việt đã đoàn kết với nhau cùng chống quân xâm lược. Họ đã cử ra “người tuần kiệt” là Thục Phán lãnh đạo cuộc kháng chiến. Thục Phán lên làm vua, xưng là An Dương Vương, lập ra nước Âu Lạc (khoảng năm 208 TCN).

Tổ chức Nhà nước Âu Lạc không có nhiều thay đổi so với Nhà nước Văn Lang, nhưng vua có quyền thế cao hơn trong việc trị nước. Lãnh thổ đất nước được mở rộng hơn; có quân đội mạnh, vũ khí tốt, đặc biệt có thành Cổ Loa kiên cố, vững chắc. Kinh đô của Âu Lạc đã chuyển từ miền trung du Phong Châu xuống vùng đồng bằng ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội ngày nay).



▲ Hình 3. Sơ đồ thành Cổ Loa – được xây dựng theo hình xoắn tròn ốc, có ba vòng khép kín với tổng chiều dài là 16 000m



▲ Hình 4. Lưỡi nỏ và mũi tên đồng được tìm thấy ở Cổ Loa

1. Dựa vào thông tin trong mục 2 và sử dụng bản đồ hành chính Việt Nam, hãy xác định phạm vi không gian chủ yếu của nước Âu Lạc trên bản đồ.
2. Nước Âu Lạc ra đời trong bối cảnh nào? Nhà nước Âu Lạc có điểm gì giống và khác so với Nhà nước Văn Lang?

3. Đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc

a) Đời sống vật chất

Cư dân Việt cổ đã biết đến nền “nông nghiệp dùng cày” và sớm lấy nghề nông trồng lúa nước làm nghề chính. Ngoài ra, họ còn trồng các loại cây hoa màu và trồng dâu, nuôi tằm.

Nghề luyện kim của người Việt cổ dần được chuyên môn hoá. Kỹ thuật đúc đồng phát triển với những hiện vật tiêu biểu là trống đồng Ngọc Lũ, thạp đồng Đào Thịnh. Bên cạnh đó, họ đã bước đầu biết rèn sắt.

Cư dân chủ yếu ở nhà sàn được làm bằng tre, nứa, lá, gỗ,... Thức ăn chính là gạo nếp, gạo tẻ, muối, mắm cá,...

Người Việt cổ ngày thường để tóc ngang vai, búi tóc hoặc tết tóc kiểu đuôi sam. Nam đóng khố, cởi trần, đi chân đất, nữ mặc váy, mặc yếm. Vào dịp lễ hội, họ có thể đội thêm mũ lông chim, đeo trang sức (vòng tay, hạt chuỗi, khuyên tai,...).





▲ Hình 7. Trang phục và kiểu tóc của người Việt cổ (hình trang trí trên cán dao găm, kiếm ngắn bằng đồng)



▲ Hình 8. Hình người múa hát được miêu tả trên trống đồng

- ❓ 1. Quan sát hình 6, 7, 8 và dựa vào thông tin trong mục a, em hãy mô tả đời sống vật chất (nguồn lương thực, nơi ở, phương tiện đi lại, trang phục, đồ trang sức,...) của người Việt cổ.
2. Những nghề sản xuất chính của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là gì?

b) Đời sống tinh thần

Về mặt tín ngưỡng, cư dân Văn Lang – Âu Lạc có tục thờ cúng tổ tiên và thờ các vị thần trong tự nhiên như thần Sông, thần Núi, thần Mặt Trời,...

Người Việt cổ có tục xăm mình, nhuộm răng đen, ăn trầu, làm bánh chưng, bánh giầy. Các lễ hội gắn với nền nông nghiệp trồng lúa nước cũng được tổ chức thường xuyên.

Những thành tựu về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc đã tạo nên nền văn minh đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, góp phần tạo dựng nền tảng cốt lõi của bản sắc văn hoá dân tộc.

- ❓ Trình bày những nét chính về đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang, Âu Lạc.

Luyện tập và Vận dụng



1. Hãy ghi lại những thông tin cơ bản nhất về hai nhà nước Văn Lang và Âu Lạc theo các gợi ý sau: thời gian thành lập – kết thúc; kinh đô; tổ chức bộ máy nhà nước.



2. Nêu một số thành tựu tiêu biểu của thời kì Văn Lang – Âu Lạc. Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu về một thành tựu mà em thích nhất.
3. Lễ hội Đền Hùng được tổ chức vào ngày 10 – 3 âm lịch hằng năm có ý nghĩa như thế nào?

Bài 15

CHÍNH SÁCH CẢI TRỊ CỦA CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG KIẾN PHƯƠNG BẮC VÀ SỰ CHUYỂN BIẾN CỦA XÃ HỘI ÂU LẠC

Học xong bài này, em sẽ:

- Nêu được một số chính sách cải trị của các triều đại phong kiến phương Bắc trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được một số chuyển biến cơ bản về kinh tế và xã hội của người Việt cổ dưới ách cai trị, đô hộ của các triều đại phong kiến phương Bắc.



Thành cổ Luy Lâu (nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) từ thời Hán đã là trị sở của chính quyền đô hộ. Đây cũng là nơi lưu lại dấu tích liên quan đến chính sách cải trị và sự chuyển biến trong đời sống kinh tế, xã hội, văn hoá của người Việt thời Bắc thuộc. Sự hiện diện của những dấu tích ấy gợi cho em suy nghĩ gì về giai đoạn lịch sử đặc biệt này?

Em có biết?

Luy Lâu là một thành cổ có lịch sử trên 2 000 năm, được xây dựng từ thời Đông Hán. Từ thế kỉ II đến đầu thế kỉ IX, Luy Lâu vừa là trị sở của chính quyền đô hộ phương Bắc, vừa là một trung tâm kinh tế, văn hoá, tôn giáo quan trọng của Giao Chi. Từ thế kỉ IX, trị sở của chính quyền An Nam đô hộ chuyển về Tống Bình – Đại La.

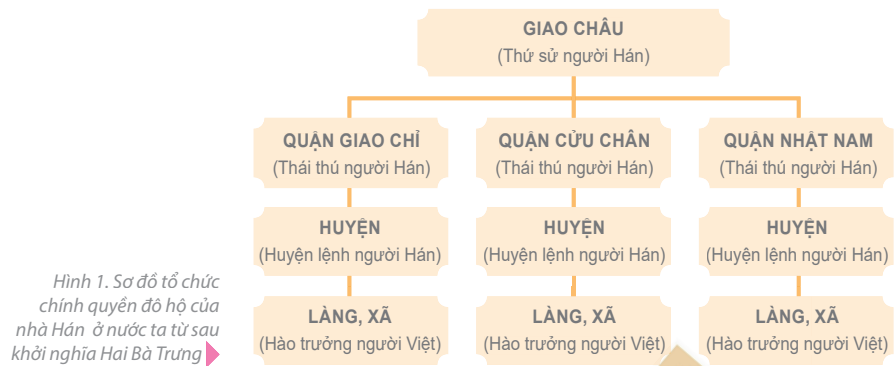
1. Chính sách cải trị của các triều đại phong kiến phương Bắc

a) Về bộ máy cai trị

Năm 179 TCN, Triệu Đà chiếm được Âu Lạc. Từ đó các triều đại phong kiến phương Bắc đều sáp nhập nước ta vào lãnh thổ Trung Quốc, chia thành các đơn vị hành chính như châu – quận, dưới châu – quận là huyện.

Từ sau khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 – 43), chính quyền từ cấp huyện trở lên đều do người Hán nắm giữ.

Chính quyền đô hộ cho xây đắp các thành lũy lớn ở trị sở các châu – quận như thành Luy Lâu (Bắc Ninh), thành Tống Bình – Đại La (Hà Nội),... và bố trí lực lượng quân đồn trú để bảo vệ chính quyền.



▲ Hình 2. Lược đồ hành chính nước ta thời thuộc Đường

Từ nhà Hán, các triều đại đều áp dụng luật pháp hà khắc và thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân ta.



▲ Hình 3. Các hình phạt nặng thường được chính quyền đô hộ sử dụng để cai trị nhân dân ta thời Bắc thuộc (tránh minh họa)

❓ Hãy cho biết một số chính sách để áp đặt bộ máy cai trị của phong kiến phương Bắc ở nước ta.

b) Về kinh tế

Các quan cai trị phương Bắc chiếm ruộng đất của nhân dân Âu Lạc, lập thành ấp, trại và bắt dân ta cày cấy. Chúng cũng áp đặt chính sách tô thuế nặng nề, đặc biệt là dưới thời Đường.

Ngoài ra, chính quyền đô hộ còn nắm độc quyền về sắt và muối, bắt nhân dân ta cống nạp nhiều loại vải vóc, hương liệu, sản vật quý để đưa về Trung Quốc.

1. "Trước đây những người làm thú sừ thấy đất châu (Giao Chỉ) có các thú ngọc trai, lông (chim) trĩ, tê, voi, đồi mồi, hương lạ, gỗ tốt, nhiều người không liêm khiết, vơ vét của cải cho đầy, rồi lại xin đổi đi."

(Theo Đại Việt sử ký toàn thư (bản dịch), Tập 1, NXB Khoa học xã hội, tr.160)

❓ Đoạn tư liệu 1 và thông tin ở trên cho em biết điều gì về chính sách bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc.

c) Về văn hoá – xã hội

Trong suốt thời Bắc thuộc, chính quyền phong kiến phương Bắc đều thực hiện chính sách đồng hoá dân tộc Việt như: đưa người Hán sang ở cùng với dân Việt, bắt nhân dân ta phải theo phong tục, luật pháp của người Hán và tìm mọi cách xoá bỏ những tập quán lâu đời của người Việt.

2. “Nhà Hán mở 9 quận, đặt chức thứ sử ở Giao Chỉ, dòi những người phạm tội ở Trung Quốc sang ở lẫn vào các nơi ấy, cho học sách ít nhiều, hơi thông hiểu lễ hoá.

(Theo Đại Việt sử kí toàn thư, Tập 1, Sđd, tr.166)

? Chính quyền phong kiến phương Bắc đã thực hiện chính sách cai trị về văn hoá đối với nước ta như thế nào?

2. Những chuyển biến về kinh tế – xã hội trong thời kì Bắc thuộc

Em có biết?

Người Việt đã tiếp thu kĩ thuật làm giấy từ Trung Quốc để làm ra các loại giấy có chất lượng tốt. Trong đó, có loại giấy được làm từ cây mật hương “giấy màu trắng, có vân như mắt cá lớn, rất thơm, bền chắc, cho xuống nước không hỏng”.

Mặc dù bị kìm hãm bởi chính sách cai trị và bóc lột của các triều đại phong kiến phương Bắc nhưng trong hơn một nghìn năm Bắc thuộc, kinh tế, xã hội và văn hoá của người Việt vẫn có sự chuyển biến đáng kể.

a) Chuyển biến về kinh tế

Trồng lúa nước vẫn là nghề chính bên cạnh trồng cây ăn quả, hoa màu và chăn nuôi. Sự phát triển của công cụ sản xuất và kĩ thuật đắp đê, làm thủy lợi đã tạo nên những vùng trồng lúa nước rộng lớn. Các nghề rèn sắt, đúc đồng, làm gốm, làm mộc, làm đồ trang sức (vàng, bạc) vẫn tiếp tục được duy trì với kĩ thuật sản xuất cao hơn. Một số nghề mới xuất hiện như làm giấy, thủy tinh.

Một số đường giao thông thủy, bộ được hình thành. Hoạt động buôn bán trong nước và với các nước khác được đẩy mạnh hơn trước.



▲ Hình 4. Gốm men và đất nung (khoảng thế kỉ II – VI) được tìm thấy ở khu di tích thành cổ Luy Lâu

b) Chuyển biến về xã hội

Với chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc, các tầng lớp trong xã hội đều có sự biến đổi.

Một số quan lại, địa chủ người Hán bị Việt hoá. Tầng lớp hào trưởng bản địa hình thành từ bộ phận quý tộc trong xã hội Âu Lạc cũ, có uy tín và vị thế quan trọng trong đời sống xã hội.

Bao trùm trong xã hội bấy giờ là mâu thuẫn giữa nhân dân Âu Lạc với chính quyền đô hộ phương Bắc. Đó là nguyên nhân làm bùng lên các cuộc đấu tranh giành độc lập liên tục trong suốt thời kì Bắc thuộc.

1. Hãy nêu sự chuyển biến về kinh tế và xã hội ở nước ta dưới thời Bắc thuộc.
2. Theo em, tầng lớp nào trong xã hội sẽ là thủ lĩnh của những cuộc đấu tranh giành độc lập cho người Việt? Vì sao?

Luyện tập và Vận dụng



1. Tại sao chính quyền phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đồng hoá dân tộc Việt?



2. Em hãy cho biết hậu quả chính sách bóc lột kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta (theo bảng dưới đây).

Lĩnh vực	Thông tin phản ánh	Hậu quả
Đất đai	Chiếm ruộng đất, lập thành ấp trại để bắt dân ta cày cấy.	Người Việt mất ruộng, bị biến thành nông nô của chính quyền đô hộ.
Thuế khoá – Công nạp	– Áp đặt chính sách tô thuế nặng nề. – Bắt cống nạp nhiều vải vóc, hương liệu và sản vật quý để đưa về Trung Quốc.	?
Thủ công nghiệp	Nắm độc quyền về sắt và muối.	?

Bài 16

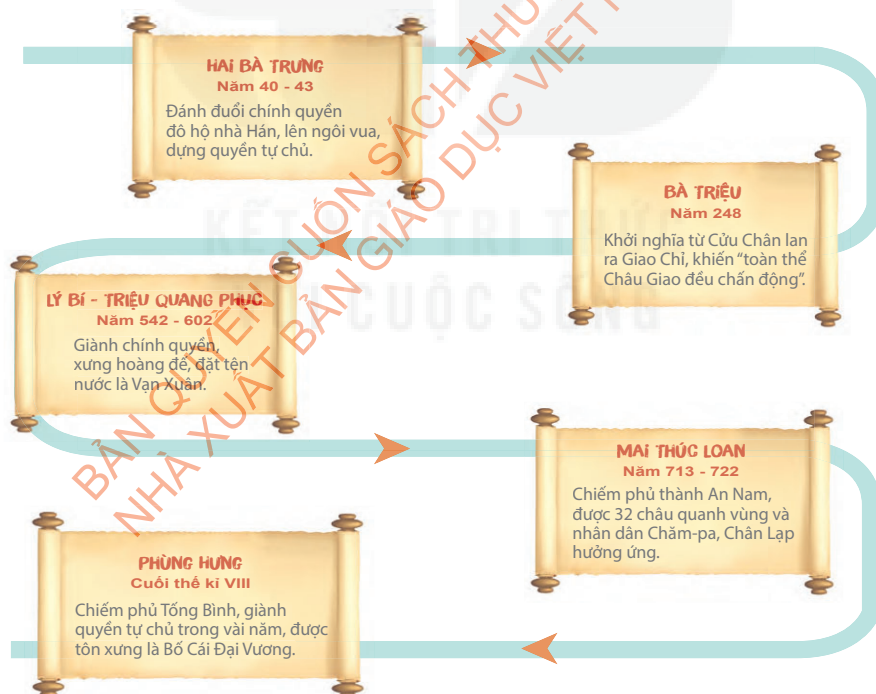
CÁC CUỘC KHỞI NGHĨA TIÊU BIỂU GIÀNH ĐỘC LẬP TRƯỚC THẾ KỈ X

Học xong bài này, em sẽ:

- Lập được sơ đồ về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.
- Trình bày được những nét chính, giải thích được nguyên nhân của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu (khởi nghĩa Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng).
- Nêu được kết quả và ý nghĩa lịch sử của các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong thời kì Bắc thuộc trước thế kỉ X.



Em đã biết, sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phương Bắc đã tìm “trăm phương nghìn kế” để áp đặt ách cai trị đối với nước ta. Nhưng thực tế lịch sử có thuận theo ý đồ của họ không? Em suy nghĩ gì về lời “phản nân” của viên Thái thú người Hán: Dân xứ ấy rất khó cai trị?



▲ Hình 1. Sơ đồ một số cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trước thế kỉ X

1. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng

Mùa xuân năm 40, bắt bình với chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ nhà Hán, con gái Lạc tướng huyện Mê Linh là Trưng Trắc cùng với em là Trưng Nhị đã dựng cờ khởi nghĩa để giành lại quyền tự chủ.

1. "Trung Trắc... bên cùng em gái là Trung Nhị khởi binh, đánh hãm trị sở của châu. Tô Định bỏ chạy về. Trưng Trắc thực là hùng dũng, đến đâu đều như có gió cuốn".

(Ngô Thị Sỹ, *Đại Việt sử kí tiền biên* (bản dịch), NXB Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 2011, tr.87)

"Thiếp là cháu gái các Vua Hùng đời trước, hôm nay đau lòng thương dân vô tội, dấy nghĩa trừ tà, nguyện xin các vị thần linh hội họp tại đàn này chứng giám và phù hộ cho thiếp. Thiếp là Trưng Nữ dấy binh dẹp giặc, che chở dân lành, thu phục lại muôn vật cũ của tổ tông, không phụ ý trời, thoả nguyện nơi đền miếu của các bậc đế vương các đời, không phụ sự trông đợi của tổ phụ nơi chín suối."

(Trích Lời thề khắc trên bia đá ở đền thờ Hai Bà Trưng tại Mê Linh, Hà Nội)



▲ Hình 2. Lược đồ khởi nghĩa Hai Bà Trưng (năm 40)



▲ Hình 3. Hai Bà Trưng cưỡi voi ra trận (tranh dân gian Đông Hồ)

Năm 43, trước sự tấn công của quân Hán do Mã Viện chỉ huy, cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng bị đàn áp. Nhân dân ghi nhớ công ơn và lập đền thờ Hai Bà để đời đời thờ cúng.

Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng đã chứng tỏ tinh thần đấu tranh bất khuất của người Việt, tạo tiền đề cho việc khôi phục nền độc lập, tự chủ của dân tộc sau này.

1. Hãy cho biết nguyên nhân và mục đích của cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng.
2. Trình bày diễn biến chính của khởi nghĩa Hai Bà Trưng trên lược đồ hình 2 (tr.71).
3. Đoạn tư liệu 1 và hình 3 cho em biết điều gì về khí thế của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng và tinh thần của chính quyền đô hộ?
4. Hãy cho biết kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

2. Khởi nghĩa Bà Triệu

Đầu thế kỉ III, do chính sách cai trị hà khắc của chính quyền đô hộ nhà Ngô, phong trào đấu tranh của người Việt tiếp tục bùng nổ, tiêu biểu nhất là cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.



Hình 4. Bà Triệu (tranh dân gian Đông Hồ)

Em có biết?

Bà Triệu (còn gọi là Triệu Thị Trinh) quê ở huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá ngày nay. Năm 23 tuổi, bà lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa. Khi ra trận, bà thường cưỡi voi, khí thế rất oai phong, lắm liệt. Quân Ngô từng gọi bà là “Lệ Hải Bà Vương” và truyền nhau câu nói:

*Vung tay đánh cọp xem còn dễ
Đối diện Bà Vương mới khó sao.*

2. “Tôi muốn cưới con gió mạnh, đập luồng sóng dữ, chém cá trướng kinh ở Biển Đông, lấy lại giang sơn, dựng nền độc lập, coi ách nô lệ, chứ không chịu khom lưng làm tì thiếp cho người!”

(Theo Phan Huy Lê (Chủ biên), *Lịch sử Việt Nam*, Tập 1, Sđd, tr.338)

Năm 248, từ căn cứ ở núi Nưa (Triệu Sơn, Thanh Hoá), khởi nghĩa bùng nổ. Lực lượng nghĩa quân đã đánh hạ nhiều huyện lỵ, thành ấp ở Cửu Chân, Cửu Đức, Nhật Nam. Quan lại nhà Ngô từ thái thú đến huyện lệnh, huyện trưởng hoặc bị giết, hoặc bỏ trốn. Cuộc khởi nghĩa khiến cho toàn thể Giao Châu đều chấn động.

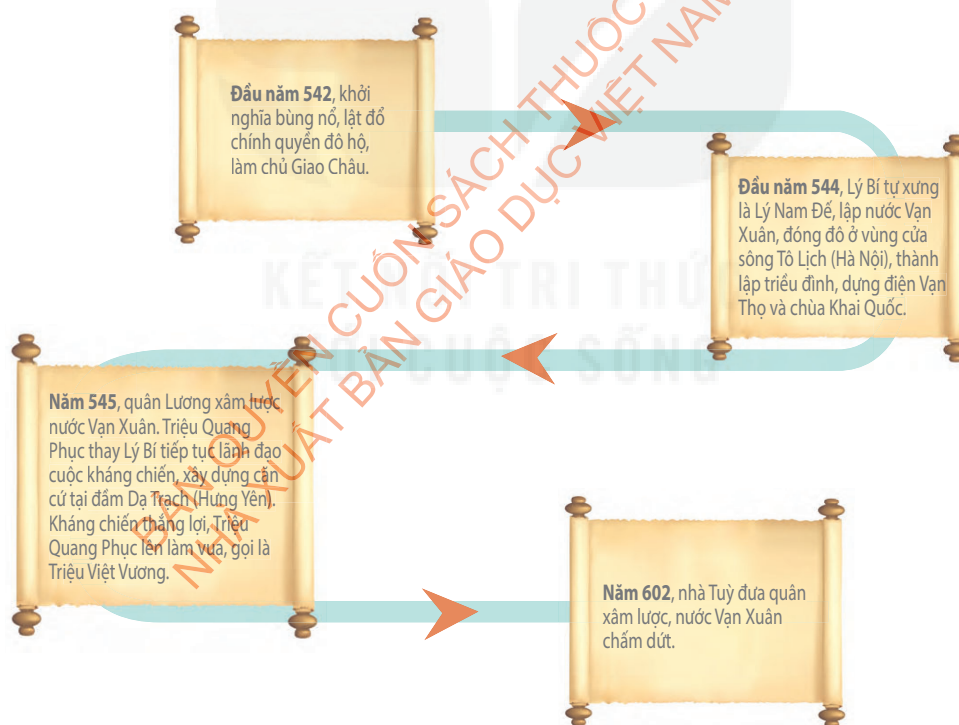
Trước tình hình đó, nhà Ngô đã cử 8 000 quân sang đàn áp. Do lực lượng quân Ngô quá mạnh, khởi nghĩa đã bị đàn áp, Bà Triệu anh dũng hi sinh tại khu vực núi Tùng (Thanh Hoá).

Cuộc khởi nghĩa Bà Triệu không chỉ làm rung chuyển chính quyền đô hộ mà còn góp phần thức tỉnh ý thức dân tộc, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa của Lý Bí sau này.

- ❓ 1. Nêu nguyên nhân và mục đích của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.
2. Hãy trình bày diễn biến chính và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Bà Triệu.

3. Khởi nghĩa Lý Bí và sự thành lập nước Vạn Xuân

Vào nửa đầu thế kỉ VI, Lý Bí – một hào trưởng địa phương (quê ở Phổ Yên, Thái Nguyên) đã lãnh đạo cuộc khởi nghĩa nhằm chống lại chế độ cai trị khắc nghiệt của nhà Lương.



▲ Hình 5. Sơ đồ cuộc khởi nghĩa Lý Bí



▲ Hình 6. Chùa Trấn Quốc (Hà Nội) – tiền thân là chùa Khai Quốc thời Tiền Lý

3. "Nam đế nhà Tiền Lý đã biết nhân thời cơ vùng dậy, tự làm chủ lấy nước mình, đủ làm thanh thế mở đường cho nhà Đinh, nhà Lý sau này".

(Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998, tr.164)

- ❓ 1. Dựa vào sơ đồ hình 5, hãy trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Lý Bí và công cuộc bảo vệ nước Vạn Xuân.
2. Khai thác sơ đồ hình 5 và tư liệu trên, hãy cho biết kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lý Bí.

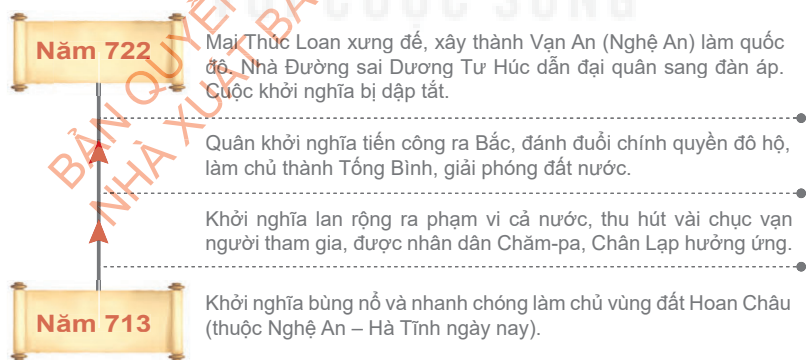
4. Khởi nghĩa Mai Thúc Loan

Đầu thế kỉ VIII, bất bình trước chính sách tô thuế nặng nề của chính quyền đô hộ nhà Đường, một thủ lĩnh tên là Mai Thúc Loan đã phát động nhân dân nổi dậy khởi nghĩa.

Khởi nghĩa Mai Thúc Loan đã giành và giữ chính quyền độc lập trong khoảng gần 10 năm (713 – 722). Đó là một trong những cuộc khởi nghĩa lớn nhất, đánh dấu mốc quan trọng trên con đường đấu tranh để giải phóng dân tộc thời kì Bắc thuộc.



Hình 7. Lược đồ khởi nghĩa Mai Thúc Loan (713 – 722)



1. Hãy trình bày diễn biến chính của cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan trên lược đồ.
2. Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan có ý nghĩa gì đối với lịch sử dân tộc?

5. Khởi nghĩa Phùng Hưng

Cuối thế kỉ VIII, chính quyền đô hộ của nhà Đường ngày càng ra sức vơ vét, bóc lột của cải của nhân dân ta. Không cam chịu, Phùng Hưng đã lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa.

Nghĩa quân đã làm chủ được vùng đất Đường Lâm (Sơn Tây, Hà Nội); sau đó tiếp tục kéo xuống bao vây và chiếm thành Tống Bình; tự sắp đặt việc cai trị trong vòng 9 năm thì bị quân Đường đàn áp và chiếm lại.

Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng tiếp tục khẳng định quyết tâm giành lại độc lập, tự chủ của người Việt, mở đường cho những thắng lợi to lớn về sau.

Em có biết?

Phùng Hưng là hào trưởng đất Đường Lâm (Hà Nội). Ông xuất thân trong gia đình giàu có, có uy tín lớn đối với nhân dân trong vùng. Ông có sức khoẻ phi thường, sức có thể xô ngã trâu, đánh được hổ. Về sau, Phùng Hưng được nhân dân suy tôn làm “Bồ Cãi đại vương”.



▲ Hình 8. Đến thờ Phùng Hưng ở Đường Lâm

❓ Trình bày nguyên nhân, kết quả và ý nghĩa của cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng.

Luyện tập và Vận dụng



1. Hãy lập bảng hệ thống về các cuộc khởi nghĩa: Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Lý Bí, Mai Thúc Loan và Phùng Hưng theo gợi ý sau: thời gian bùng nổ, nơi đóng đô của chính quyền tự chủ (nếu có), kết quả, ý nghĩa.
2. Từ kết quả của bài tập 1 và dựa vào kiến thức đã học, em có nhận xét gì về tinh thần đấu tranh chống xâm lược của nhân dân ta?
3. Em hãy tìm hiểu thêm thông tin từ sách, báo và internet để biết hiện nay có những con đường, trường học, di tích lịch sử nào,... mang tên hay là nơi thờ phụng Hai Bà Trưng, Lý Bí và Mai Thúc Loan. Điều này gợi cho em suy nghĩ gì?

Bài 17

CUỘC ĐẤU TRANH BẢO TỒN VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ DÂN TỘC CỦA NGƯỜI VIỆT

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được những biểu hiện trong việc giữ gìn văn hoá của người Việt trong thời kì Bắc thuộc.
- Nhận biết được sự phát triển của văn hoá dân tộc trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa trong thời kì Bắc thuộc.



Sau khi chiếm được Âu Lạc, các triều đại phong kiến phương Bắc đã thực hiện nhiều biện pháp nhằm thủ tiêu văn hoá của người Việt. Trong cuộc đấu tranh sinh tồn, em có biết, người Việt đã làm gì để bảo vệ những giá trị văn hoá truyền thống của mình. Điều gì đã tạo nên sự kì diệu đó?



▲ Hình 1. Sự tích trầu cau – lí giải tục ăn trầu của người Việt (tranh minh họa)

Em có biết?

Tục xăm mình có từ thời dựng nước. Người Việt cổ sống nhiều trong môi trường sông nước nên tin rằng nếu xăm mình sẽ không bị thủy quái làm hại. Tục này tồn tại đến đời vua Trần Anh Tông mới bỏ.

1. Sức sống của nền văn hoá bản địa

Người Việt luôn có ý thức giữ gìn nền văn hoá bản địa của mình.

Tiếng Việt vẫn được người dân truyền dạy cho con cháu. Người Việt vẫn nghe và nói hoàn toàn bằng tiếng mẹ đẻ.

Những tín ngưỡng truyền thống tiếp tục được duy trì như: thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên,...

Trong các làng xã, những phong tục tập quán như búi tóc, xăm mình, nhuộm răng đen, ăn trầu, làm bánh chưng, bánh giầy,... vẫn được lưu truyền từ đời này qua đời khác.

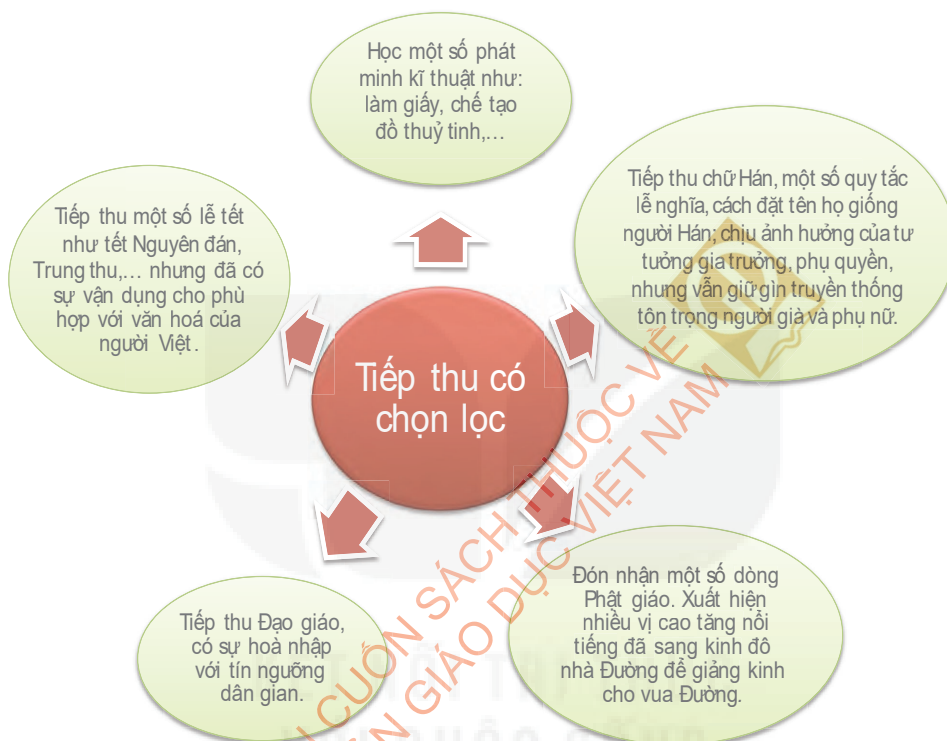
“Dân hay vẽ mình... ưa tắm sông nên họ chèo đò và lội nước rất giỏi; ngày thường không đội mũ, đứng thì vòng hai tay, ngồi thì xếp bằng hai chân,... Tiếp khách thì đãi trầu cau.”

(Lê Tắc, *An Nam chí lược* (bản dịch), NXB Thuận Hoá và Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây, Huế, 2002, tr.70)

1. Hãy chỉ ra những phong tục của người Việt được nhắc đến trong tư liệu trên.
2. Hãy cho biết một số nét văn hoá của người Việt cổ vẫn được duy trì trong thời Bắc thuộc.

2. Tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa

Trong suốt thời Bắc thuộc, nhân dân ta đã tiếp thu có chọn lọc những yếu tố văn hoá Trung Hoa để phát triển văn hoá dân tộc.



? Trong thời kì Bắc thuộc, nhân dân ta đã tiếp thu có chọn lọc văn hoá Trung Hoa như thế nào?

Luyện tập và Vận dụng



1. Nhân dân ta đã làm gì để bảo vệ và phát triển văn hoá dân tộc trong hàng nghìn năm Bắc thuộc?



2. Hãy chỉ ra những phong tục của người Việt trong thời kì Bắc thuộc vẫn được duy trì đến ngày nay.

Bài 18

BƯỚC NGOẶT LỊCH SỬ ĐẦU THẾ KỈ X

Học xong bài này, em sẽ:

- Trình bày được những nét chính (nội dung, kết quả) về các cuộc vận động giành quyền tự chủ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của họ Khúc và họ Dương.
- Mô tả được những nét chính trận chiến Bạch Đằng lịch sử năm 938 và những điểm độc đáo trong tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền.
- Nêu được ý nghĩa lịch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938.



Mùa xuân năm 40 từng vang lên lời thề bất hủ của Hai Bà Trưng: “Một xin rửa sạch nước thù; Hai xin đem lại nghiệp xưa họ Hùng”. Nhưng trong khoảng gần 900 năm, từ Hai Bà Trưng, Bà Triệu đến Lý Bí, Mai Thúc Loan,... đều chưa thực hiện được trọn vẹn lời thề. Cuối cùng, ai là người đã hoàn thành trọn vẹn được ước nguyện độc lập thiêng liêng ấy và thực hiện thông qua sự kiện nào?



▲ Hình 1. Bạch Đằng dậy sóng (tranh dân gian Đông Hồ)

1. Họ Khúc và họ Dương dựng quyền tự chủ

a) Cuộc nổi dậy của Khúc Thừa Dụ và cải cách của Khúc Hạo

Từ cuối thế kỉ IX, nhà Đường suy yếu nên khó kiểm soát được tình hình ở An Nam. Viên tiết độ sứ được nhà Đường giao nhiệm vụ cai trị nước ta bị giáng chức.

Nhân cơ hội đó, giữa năm 905, một hào trưởng địa phương ở Hải Dương là Khúc Thừa Dụ đã nổi dậy đánh chiếm thành Đại La, lật đổ chính quyền đô hộ rồi tự xưng là tiết độ sứ, xây dựng chính quyền tự chủ của người Việt.

Năm 907, con của Khúc Thừa Dụ là Khúc Hạo đã lên thay cha nắm quyền tiết độ sứ và tiến hành cải cách.

Em có biết?

Khúc Thừa Dụ quê ở Hồng Châu (nay thuộc huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương). Ông xuất thân là hào trưởng, gia thế giàu có song tính tình khoan hoà, hay thương người, được nhiều người kính phục.



▲ Hình 2. Sơ đồ cải cách Khúc Hạo

1. Hãy cho biết những việc làm của Khúc Thừa Dụ và Khúc Hạo để gây dựng nền tự chủ cho dân tộc.
2. Theo em, những việc làm của cha con Khúc Thừa Dụ có ý nghĩa như thế nào?

▼ Hình 3. Đền thờ Khúc Thừa Dụ (Hải Dương)



Kết nối với địa lí

Nam Hán là một nước nhỏ ở Trung Quốc, cai trị vùng đất sát biên giới nước ta (nay là Quảng Đông, Quảng Tây và đảo Hải Nam).

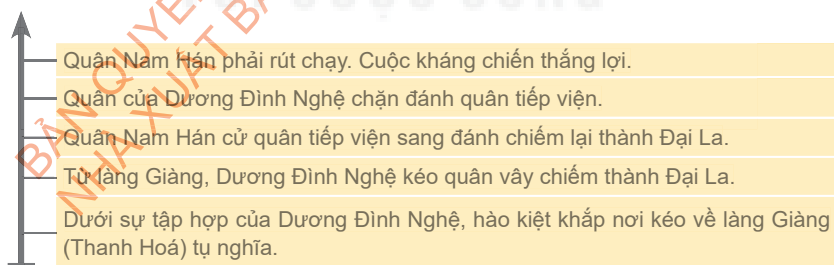
b) Dương Đình Nghệ chống quân Nam Hán, củng cố nền tự chủ

Mùa thu năm 930, quân Nam Hán đánh sang nước ta, lập lại quyền cai trị.

Năm 931, thuộc tướng cũ của họ Khúc là Dương Đình Nghệ kéo quân từ Thanh Hoá ra Bắc đánh đuổi quân Nam Hán.



▲ Hình 4. Lược đồ cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán lần thứ nhất (930 – 931)



Cuộc kháng chiến thắng lợi, Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết độ sứ, tiếp tục xây dựng nền tự chủ nước nhà.

? Dựa vào thông tin kết hợp với khai thác lược đồ, em hãy trình bày ngắn gọn về diễn biến, kết quả cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán của Dương Đình Nghệ.

2. Ngô Quyền và chiến thắng Bạch Đằng năm 938

a) Kế hoạch đánh giặc

Năm 938, quân Nam Hán do Hoàng Tháo làm chủ tướng từ Quảng Đông theo đường biển ồ ạt tiến sang xâm lược nước ta.

Trước vận nước lâm nguy, Ngô Quyền đã gấp rút chuẩn bị kế hoạch đối phó với quân Nam Hán. Vùng cửa sông Bạch Đằng được lựa chọn để bố trí trận địa đánh giặc.



▲ Hình 5. Tượng đài Ngô Quyền (Hải Phòng)

Em có biết?

Ngô Quyền quê ở Đường Lâm (Sơn Tây – Hà Nội), xuất thân trong một gia đình quý tộc. Thuở nhỏ đã có “đáng vẻ khôi ngô, mắt sáng như chớp, có trí dũng”. Lớn lên, ông là người dũng lược, có sức khoẻ phi thường “đáng đi như hổ, sức có thể nâng được vạc”. Ông là thuộc tướng tài năng và cũng là con rể của Dương Đình Nghệ.

1. “Nếu sai người đem cọc lớn vạt nhọn đầu bịt sắt đóng ngầm ở trước cửa biển, thuyền của bọn chúng theo nước triều lên vào trong hàng cọc thì sau đó ta dễ bề chế ngự, không cho chiếc nào ra thoát.”

(Đại Việt sử kí toàn thư, Tập 1, Sdd, tr.203)



▲ Hình 6. Mô phỏng trận địa cọc trên sông Bạch Đằng (tranh minh hoạ)



Kết nối với địa lí

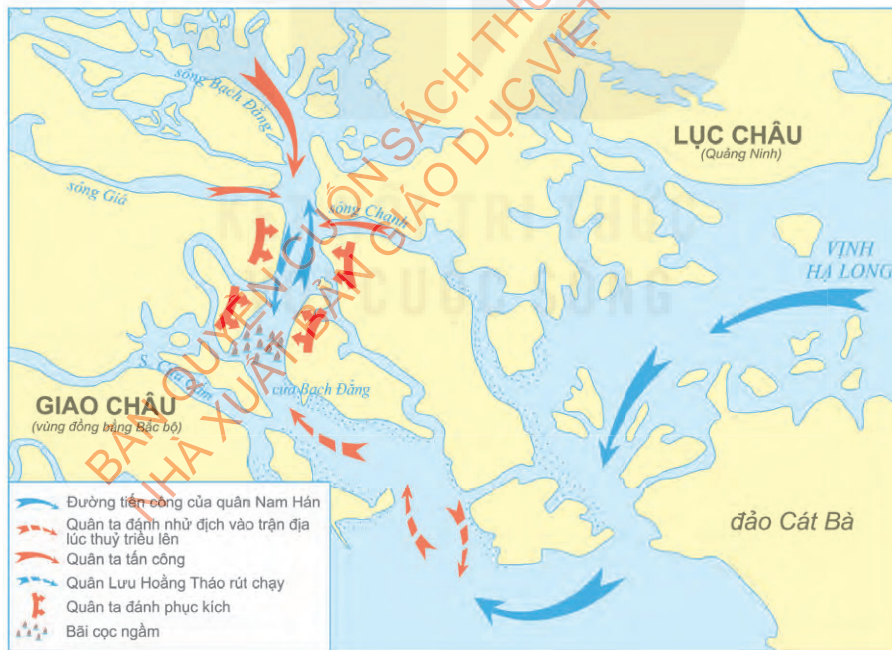
Sông Bạch Đằng chảy giữa thị xã Quảng Yên (Quảng Ninh) và huyện Thủy Nguyên (Hải Phòng). Đây là con đường thủy tốt nhất để đi vào nước ta. Mực nước vùng cửa sông lúc thủy triều cao nhất và thấp nhất chênh nhau tới 2 – 3m. Địa hình xung quanh có nhiều cồn gò, bãi, đầm lầy,... giúp bố trí lực lượng quân thủy, bộ cùng chiến đấu chặn giặc.

1. Quan sát hình 6 và khai thác đoạn tư liệu 1, em hãy cho biết Ngô Quyền đã chuẩn bị kế hoạch cho trận thủy chiến chặn giặc như thế nào.
2. Theo em, trận địa cọc Bạch Đằng sẽ gây khó khăn gì cho quân giặc?

b) Trừu ngoại xâm dậy sóng Bạch Đằng

2. “Khi nước triều lên, Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến, giả thua chạy để dụ địch đuổi theo. Hoàng Tháo quả nhiên tiến quân vào. Khi binh thuyền đã vào trong vùng cấm cọc, nước triều rút, cọc nhô lên, Quyền bèn tiến quân ra đánh, ai nấy đều liều chết chiến đấu. Quân Hoàng Tháo không kịp sửa thuyền mà nước triều rút xuống rất gấp, thuyền đều mắc vào cọc mà lật úp, rối loạn tan vỡ, quân lính chết đuối quá nửa. Quyền thừa thắng đuổi đánh, bắt được Hoàng Tháo giết đi... Lưu Cung (vua Nam Hán), chỉ còn biết thương khóc, thu nhặt quân lính còn sót rút về.”

(Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 1, Sđd, tr.203 – 204)



▲ Hình 7. Lược đồ trận Bạch Đằng năm 938

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt vĩnh viễn thời kì Bắc thuộc và mở ra kỉ nguyên độc lập tự chủ lâu dài cho dân tộc.

3. "Trận thắng trên sông Bạch Đằng là cơ sở sau này cho việc khôi phục quốc thống. Những chiến công đời Đinh, Lê, Lý, Trần vẫn còn nhờ vào uy thanh lẫm liệt để lại ấy. Trận Bạch Đằng này là vũ công cao cả, vang dội đến nghìn thu, há phải chỉ lẫy lừng ở một thời bấy giờ mà thôi đâu?"

(Theo Khâm định Việt sử thông giám cương mục,
Tập 1, Sđd, tr.211)

1. Dựa vào lược đồ hình 7 và tư liệu 2, hãy thuật lại ngắn gọn diễn biến trận chiến trên sông Bạch Đằng năm 938.
2. Theo em, nét độc đáo trong cách tổ chức đánh giặc của Ngô Quyền thể hiện ở những điểm nào?
3. Dựa vào tư liệu 3, em hãy cho biết ý nghĩa chiến thắng Bạch Đằng năm 938.

Luyện tập và Vận dụng



1. Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền đã có công lao gì đối với lịch sử dân tộc?
2. Tại sao Ngô Quyền chọn sông Bạch Đằng làm trận địa chống quân Nam Hán?



3. Lựa chọn một trong hai yêu cầu dưới đây và thực hiện:
 - Viết (khoảng 7 – 10 câu) giới thiệu về một nhân vật lịch sử trong thế kỉ X mà em yêu thích nhất và chia sẻ với bạn.
 - sưu tầm thêm thông tin, hình ảnh có liên quan đến một vấn đề mà em tâm đắc nhất của bài học từ sách, báo hoặc internet và tập trình bày theo cách của mình.

Bài 19

VƯƠNG QUỐC CHĂM-PA TỪ THẾ KỈ II ĐẾN THẾ KỈ X

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển của Vương quốc Chăm-pa.
- Trình bày được những nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Chăm-pa.
- Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Chăm-pa.



Dưới đây là đài thờ Trà Kiệu, một kiệt tác điêu khắc Chăm-pa (thế kỉ IX). Hình ảnh này gợi cho em suy nghĩ gì về trình độ kĩ thuật cũng như đời sống văn hoá của cư dân Chăm-pa xưa?



▲ Hình 1. Đài thờ Trà Kiệu (Quảng Nam)

1. Quá trình hình thành và bước đầu phát triển của Vương quốc Chăm-pa

a) Vương quốc Chăm-pa ra đời

Trong thời kì Bắc thuộc, nhà Hán đã thiết lập ách cai trị đối với vùng đất ở phía Nam dãy Hoàng Sơn nước ta, đặt tên gọi là quận Nhật Nam. Năm 192, dưới sự lãnh đạo của Khu Liên, người dân Tượng Lâm (huyện xa nhất của quận Nhật Nam) đã nổi dậy lật đổ ách cai trị ngoại bang, lập ra nước Lâm Ấp (tên gọi ban đầu của Vương quốc Chăm-pa).

b) Chặng đường hơn 8 thế kỉ đầu tiên

Vương quốc Chăm-pa phát triển qua nhiều giai đoạn, gắn liền với vai trò của những vùng đất khác nhau.

Em có biết?

Cách ngày nay hơn 2 000 năm, những cư dân là chủ nhân của nền văn hoá Sa Huỳnh thuộc thời đại đồ sắt đã sinh sống trên dải đất miền Trung Việt Nam. Về sau, người Sa Huỳnh trở thành một bộ phận của cư dân Chăm-pa.

Tượng Lâm là một huyện nằm ở phía nam của quận Nhật Nam (ngày nay là các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định).



▲ Hình 2. Lược đồ Vương quốc Chăm-pa đến thế kỉ X

Trước thế kỉ VIII, người Chăm đã xây dựng một vương quốc khá hùng mạnh ở ven sông Thu Bồn, với kinh đô là Sin-ha-pu-ra (ở Trà Kiệu, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam ngày nay).

Thế kỉ VIII, kinh đô của Chăm-pa dịch chuyển về phía nam với tên gọi Vi-ra-pu-ra (ở Phan Rang, tỉnh Ninh Thuận ngày nay).

Thế kỉ IX, người Chăm lại chuyển kinh đô về Đồng Dương (huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam ngày nay), có tên là In-đra-pu-ra.

- ❓ 1. Vương quốc Chăm-pa được hình thành ở đâu và từ khi nào?
2. Hãy giới thiệu khái quát các giai đoạn phát triển của Vương quốc Chăm-pa từ thế kỉ II đến thế kỉ X.

2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

a) Hoạt động kinh tế

Hoạt động kinh tế của người Chăm rất đa dạng: trồng lúa nước ở các cánh đồng dọc theo lưu vực những con sông; chăn nuôi gia súc, gia cầm; sản xuất các mặt hàng thủ công (đồ gốm, trang sức, dụng cụ sản xuất); khai thác các nguồn lợi tự nhiên trên rừng (trầm hương, kì nam,...) và dưới biển (cá, tôm, ngọc trai,...). Sản phẩm làm ra không chỉ phục vụ đời sống hằng ngày mà còn được dùng để trao đổi, buôn bán trong nước và với các nước khác.

Đặc biệt, người Chăm giỏi nghề đi biển. Vương quốc Chăm-pa là một trung tâm buôn bán quốc tế thời bấy giờ, kết nối với Trung Hoa, Ấn Độ và các nước Á Rập.

Người Chăm-pa bán những sản phẩm nổi tiếng của miền nhiệt đới như trầm hương, kì nam, ngọc trai, ngà voi,... để đổi lấy các mặt hàng như thủy tinh (từ Ấn Độ), mã não (từ Thái Lan), gương đồng (từ Trung Quốc), đồ gốm men lam cô-ban (từ các nước Á Rập),...



▲ Hình 3. Gốm men lam cô-ban được tìm thấy ở Cù Lao Chàm



▲ Hình 4. Trầm hương là sản phẩm có giá trị, được thương nhân nước ngoài rất ưa chuộng

b) Tổ chức xã hội

Trong xã hội Chăm-pa, vua thường được đồng nhất với một vị thần, có quyền lực tối cao. Dưới vua là tể tướng và hai quan đại thần: một văn, một võ. Dưới đại thần là các quan đứng đầu ba cấp: châu – huyện – làng.

Xã hội Chăm-pa bao gồm các tầng lớp: tầng lữ, quý tộc, dân tự do và một bộ phận nhỏ nô lệ.

1. Nêu những hoạt động kinh tế chính của cư dân Chăm-pa.
2. Hãy vẽ sơ đồ mô tả các thành phần trong xã hội Chăm-pa và nêu nhận xét.

3. Một số thành tựu văn hoá tiêu biểu

a) Chữ viết

Sáng tạo ra chữ viết riêng cho dân tộc mình là thành tựu văn hoá nổi bật của người Chăm. Sau một thời gian dùng chữ Phạn để ghi chép, từ thế kỉ thứ IV, người Chăm đã cải biên chữ viết của người Ấn Độ để tạo thành hệ thống chữ Chăm cổ.

b) Tín ngưỡng và tôn giáo

Người Chăm xưa theo nhiều tín ngưỡng (thờ thần Mặt Trời, thần Núi, thần Nước, thần Lúa,...) và du nhập một số tôn giáo lớn từ bên ngoài (Phật giáo và Ấn Độ giáo,...).

Sự đa dạng về tín ngưỡng và tôn giáo góp phần tạo ra những thành tựu đặc sắc về kiến trúc và điêu khắc Chăm-pa. Nhiều di sản tiêu biểu còn tồn tại đến ngày nay như Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam) và nhiều đền tháp Chăm khác ở ven biển miền Trung nước ta.

Hình 5. Bia khắc chữ Chăm cổ (thế kỉ VII), được trưng bày tại Bảo tàng Điêu khắc Chăm Đà Nẵng ▶





▲ Hình 6. Thánh địa Mỹ Sơn – nơi tổ chức cúng tế và là khu lăng mộ, đã được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới

Em có biết?

Ka-tê là lễ hội dân gian đặc sắc nhất của dân tộc Chăm. Đây là dịp người Chăm dâng lễ vật tri ân các vị thần và tưởng nhớ tổ tiên của mình. Lễ hội này được tổ chức vào tháng 9 – đầu tháng 10 dương lịch tại cụm di tích tháp Chăm nổi tiếng ở Ninh Thuận, Bình Thuận,...

c) Lễ hội

Nhiều lễ hội được tổ chức trong năm đã minh chứng cho sự phong phú về đời sống văn hoá tinh thần của người Chăm xưa. Các lễ hội thường mang ý nghĩa nguyện cầu cho cuộc sống tốt đẹp, mùa màng bội thu, xã hội yên bình và hưng thịnh... tiêu biểu nhất là lễ hội Ka-tê.

1. Kể tên một số thành tựu văn hoá tiêu biểu của người Chăm trong 10 thế kỉ đầu Công nguyên.
2. Dựa vào hình 6, em có nhận xét gì về những công trình kiến trúc tiêu biểu của người Chăm xưa?

Luyện tập và Vận dụng



1. Lập bảng tóm tắt những nét chính về hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội và thành tựu văn hoá của Chăm-pa.
2. Liên hệ với kiến thức đã học ở những bài trước, em hãy so sánh những điểm giống và khác nhau trong hoạt động kinh tế của cư dân Chăm-pa và cư dân Văn Lang – Âu Lạc.
3. Hãy sưu tầm tư liệu và viết một đoạn giới thiệu về một di tích văn hoá Chăm ở nước ta. Theo em, cần phải làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của di tích?

Bài 20

VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

Học xong bài này, em sẽ:

- Mô tả được sự thành lập, quá trình phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam xưa.
- Trình bày được nét chính về tổ chức xã hội và kinh tế của Phù Nam.
- Nhận biết được một số thành tựu văn hoá của Vương quốc Phù Nam.



Cách đây hơn 2 000 năm, ở vùng châu thổ sông Cửu Long nước ta đã xuất hiện một nền văn hoá rất đặc sắc – văn hoá Óc Eo. Trên cơ sở đó, một vương quốc cổ đã được hình thành với tên gọi Phù Nam. Hình dưới đây là những hiện vật liên quan đến Vương quốc Phù Nam. Theo em, những hiện vật này chứng tỏ điều gì về chủ nhân của vương quốc cổ này?



a. Bình gốm



b. Chuỗi hạt

▲ Hình 1. Một số hiện vật khai quật được ở vùng đất Nam Bộ, thuộc văn hoá Óc Eo (thế kỉ I – VII)

1. Sự hình thành, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam

Vào khoảng thế kỉ I, Vương quốc Phù Nam ra đời. Địa bàn chủ yếu của Vương quốc Phù Nam là khu vực Nam Bộ nước ta hiện nay. Thời kì đỉnh cao, phạm vi của Phù Nam được mở rộng, có thể bao gồm nhiều vùng đất thuộc một số nước Đông Nam Á ngày nay.

Trong khoảng các thế kỉ III – V, Vương quốc Phù Nam phát triển thành đế chế hùng mạnh ở khu vực Đông Nam Á.

Óc Eo (thuộc An Giang, Việt Nam) và Ăng-co Bo-rây (thuộc Cam-pu-chia) là những trung tâm chính trị, kinh tế quan trọng của Vương quốc Phù Nam.

Vào đầu thế kỉ VI, Phù Nam dần suy yếu do nhiều nguyên nhân và cuối cùng bị xâm chiếm bởi người Chân Lạp vào đầu thế kỉ VII.

1. Vương quốc Phù Nam ra đời ở đâu và vào thời gian nào?
2. Lập trục thời gian thể hiện các mốc hình thành, phát triển và suy vong của Vương quốc Phù Nam.

2. Hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội

a) Hoạt động kinh tế

Người Phù Nam làm nhiều nghề khác nhau như: trồng lúa nước, chăn nuôi gà, lợn, đánh bắt thủy – hải sản, làm đồ thủ công như đồ gốm, trang sức, đồ đựng bằng thủy tinh, luyện đồng và rèn sắt, chế tạo công cụ sản xuất, vũ khí,...

Đặc biệt, người Phù Nam rất giỏi nghề buôn bán. Không chỉ trao đổi hàng hoá để tiêu dùng trong nước, người Phù Nam còn buôn bán với các thương nhân nước ngoài đến từ Trung Quốc, Chăm-pa, Mã Lai, Ấn Độ,... thông qua các cảng thị, tiêu biểu là Óc Eo.



▲ Hình 2. Một số sản phẩm đồ gốm của cư dân Phù Nam



▲ Hình 3. Khuôn đúc bằng đá



▲ Hình 4. Đồng tiền kim loại của Phù Nam được tìm thấy ở di chỉ văn hoá Óc Eo



▲ Hình 5. Huy chương La Mã được tìm thấy ở di chỉ Nền Chùa (Kiên Giang)

Sử kí Trung Quốc chép về Vương quốc Phù Nam như sau: “Dân Phù Nam mưu lược, nhưng tốt bụng và thật thà, chuyên nghề buôn bán... Hàng hoá bán thường ngày là vàng, bạc, lụa,...”.

(Theo Lê Hương, *Sử liệu Phù Nam*, NXB Nguyễn Nhiều, Sài Gòn 1974, tr.81)

b) Tổ chức xã hội

Tổ chức nhà nước ở Phù Nam trong khoảng hai thế kỉ đầu sau khi thành lập còn đơn giản nhưng từ thế kỉ III dần được hoàn thiện. Vua là người đứng đầu và có quyền lực cao nhất; dưới đó là hệ thống quan lại giúp việc cho vua với nhiều cấp bậc.

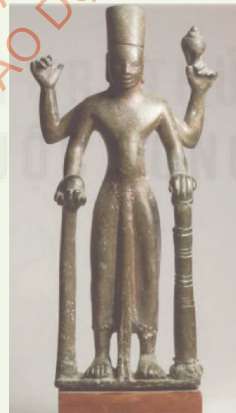
Xã hội Phù Nam được phân chia thành năm thành phần chính: quý tộc, tăng lữ, thương nhân, thợ thủ công và nông dân.

- ❓ 1. Hình 4, 5 và đoạn tư liệu trên cho em biết điều gì về cư dân Phù Nam?
2. Hãy cho biết những hoạt động kinh tế của cư dân Phù Nam.
3. Xã hội Phù Nam gồm những tầng lớp nào và có những nét tương đồng nào so với xã hội Chăm-pa?

3. Một số thành tựu văn hoá

Người Phù Nam có tín ngưỡng thờ đa thần, tiêu biểu là thờ thần Mặt Trời. Trong quá trình giao lưu buôn bán quốc tế, họ đã chủ động tiếp nhận các tôn giáo từ Ấn Độ như Phật giáo và Ấn Độ giáo. Đặc biệt, từ Vương quốc Phù Nam, các tôn giáo này lại tiếp tục được truyền bá đến nhiều vùng đất khác ở Đông Nam Á.

Để phục vụ cho việc thờ cúng, nghề tạo tượng các vị thần Ấn Độ giáo và tượng Phật bằng đá và gỗ ở Phù Nam đã khá phát triển từ đầu Công nguyên, tạo nên một phong cách riêng – phong cách Phù Nam.



▲ Hình 6. Tượng thần Vis-nu – một trong ba vị thần quan trọng của Ấn Độ giáo (được tìm thấy ở Nam Bộ)



▲ Hình 7. Tượng Phật bằng đá thuộc văn hoá Óc Eo (thế kỉ VI – VII)

Em có biết?

Các nhà khảo cổ khi khai quật di chỉ Óc Eo đã tìm thấy dấu tích các cọc nhà sàn san sát nhau trên một phạm vi rộng lớn, chứng tỏ mật độ dân cư đông đúc ở nơi đây.

Họ sử dụng ghe, thuyền để đi lại thuận tiện trên kênh rạch; dùng ngựa, trâu, bò,... để kéo xe.

Đặc biệt, người Phù Nam dựng những ngôi nhà sàn rộng bằng gỗ trên mặt nước và lợp mái lá để chung sống hài hoà trong môi trường sông nước và khí hậu nóng ẩm ở đây.



▲ Hình 8. Một số đồ trang sức của người Phù Nam

❓ Hãy cho biết một số thành tựu văn hoá nổi bật của cư dân Phù Nam.

Luyện tập và Vận dụng



1. Hãy so sánh về hoạt động kinh tế và tổ chức xã hội giữa cư dân Phù Nam và cư dân Chăm-pa.



2. Theo em, nét văn hoá nào của cư dân Phù Nam xưa còn được lưu giữ trong đời sống của cư dân Nam Bộ hiện nay?

PHẦN **ĐỊA LÍ**

BẢN QUYỀN CUỐN SÁCH THUỘC VỀ
NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BẢN ĐỒ TỰ NHIÊN THẾ GIỚI

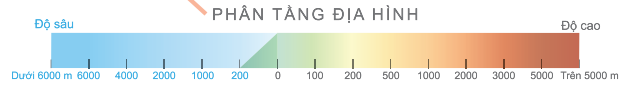
BẢN CẦU TÂY



	Đầm lầy		Sông, hồ, thác
	Hoang mạc, sa mạc		Núi lửa
	Băng hà lục địa		San hô
	Thềm băng		Độ cao đỉnh núi
	Sông băng		Độ sâu đại dương

TỈ LỆ 1 : 110 000 000

BẢN CẦU ĐÔNG



CÁC CHỮ VIẾT TẮT

SN.	Sơn nguyên	BD.	Bán đảo
D.	Dãy núi	QĐ.	Quần đảo
N.	Núi	Đ.	Đảo
ĐB.	Đồng bằng	S.	Sông

BÀI MỞ ĐẦU

Học xong bài này, em sẽ:

- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm vững các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.
- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.
- Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.
- Yêu thích môn học, thích tìm hiểu các sự vật, hiện tượng địa lí.



Ở Tiểu học, các em bước đầu được làm quen với một số kiến thức địa lí. Từ năm học này, các kiến thức địa lí sẽ ngày càng phong phú, đa dạng hơn, gắn với thiên nhiên và con người ở các khu vực, các vùng khác nhau trên Trái Đất.

1. Những khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu của môn Địa lí

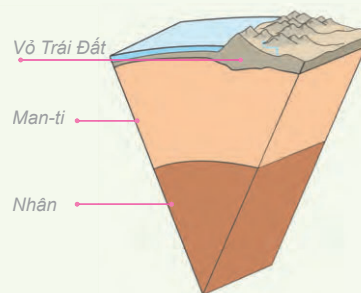
Để học tốt môn Địa lí, các em cần nắm vững các khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu của môn học.

Ở lớp 6, các em sẽ được tìm hiểu một số khái niệm địa lí cơ bản về Trái Đất, các thành phần tự nhiên của Trái Đất (địa hình, khí hậu, nước, đất, sinh vật) và mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

Việc nắm vững các khái niệm cơ bản sẽ giúp các em có khả năng giải thích và ứng xử khi gặp các hiện tượng thiên nhiên diễn ra trong cuộc sống hằng ngày.

Môn Địa lí có một hệ thống tư liệu như thông tin, bản đồ, bảng số liệu, biểu đồ,

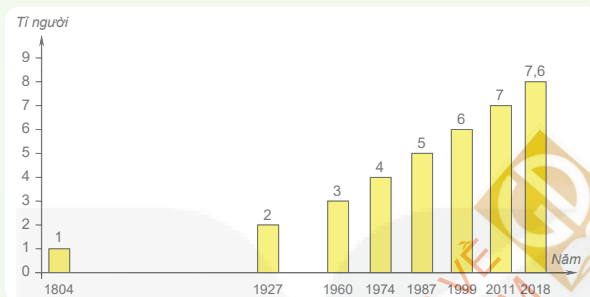
sơ đồ, hình ảnh,... là những công cụ hữu ích giúp các em khai thác, phân tích để hiểu về sự vật, hiện tượng mà nhiều khi chúng ta không thể quan sát trực tiếp. Qua đó, các em không chỉ có được kiến thức mà còn rèn luyện được các kĩ năng địa lí như: sử dụng bản đồ, sơ đồ, hình ảnh, bảng số liệu, biểu đồ,...



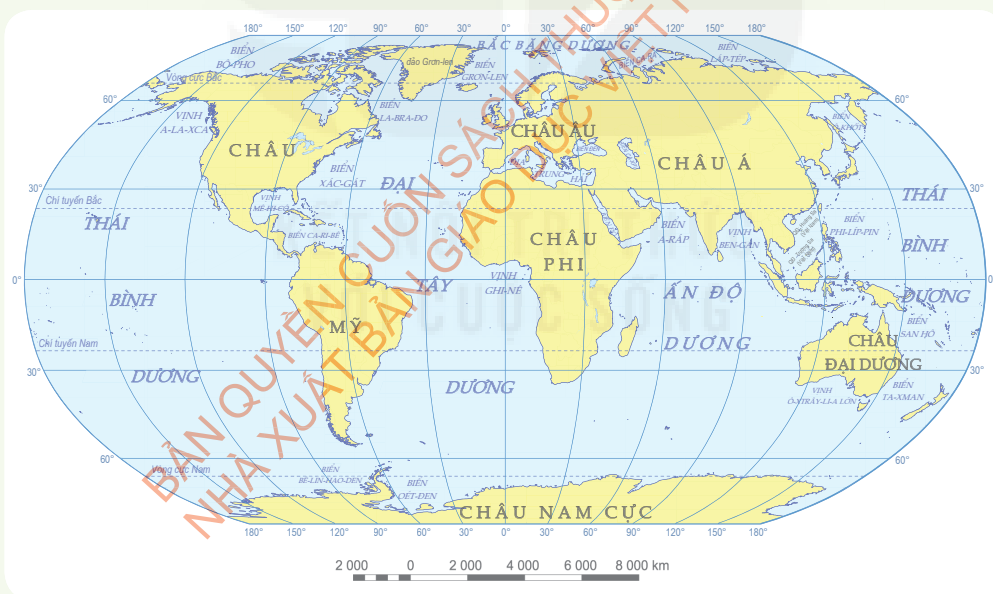
Hình 1. Lát cắt về cấu tạo Trái Đất

Internet là một công cụ học tập rất hữu ích, cho phép các em tìm hiểu kiến thức địa lí về mọi nơi trên thế giới, về mọi vấn đề mà các em quan tâm. Đó là một kho dữ liệu có cả hình ảnh, video, kiến thức phong phú.

Có những bài học, câu hỏi thiết kế dưới dạng học tập tại thực địa để gắn các kiến thức đã học với thực tế. Đây là điều kiện cho các em trải nghiệm, bước đầu làm quen với công việc nghiên cứu khoa học địa lí.



Hình 2. Biểu đồ số dân trên thế giới qua các năm



Hình 3. Bản đồ biển và đại dương trên thế giới

1. Đọc thông tin trong mục 1 và quan sát hình 1, 2, 3, hãy cho biết một số kĩ năng được rèn luyện khi học môn Địa lí.
2. Việc nắm các khái niệm cơ bản và kĩ năng chủ yếu của môn Địa lí có ý nghĩa gì trong học tập và đời sống?

2. Môn Địa lí và những điều lí thú

Muốn học Địa lí đạt hiệu quả cao, các em cần phải có hứng thú trong học tập.



Hình 4. Ngôi nhà làm bằng băng của người E-xki-mô để chống lại giá lạnh ở vùng cực



Hình 5. Hang Sơn Đoòng (Việt Nam) là một trong những hang động đá vôi lớn nhất thế giới



Hình 6. Hoang mạc Xa-ha-ra ở châu Phi là hoang mạc lớn nhất thế giới với diện tích hơn 9 triệu km²



Hình 7. Biển Chết (Tây Nam Á) có độ muối cao đến mức không có loài cá nào có thể sinh sống và cơ thể người tự nổi lên mặt nước



1. Em hãy nêu những điều lí thú được thể hiện qua các hình ảnh bên.
2. Hãy kể thêm một số điều lí thú mà em biết về tự nhiên và con người trên Trái Đất.

Cũng sẽ rất lí thú khi các em tìm hiểu về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng địa lí như: quan hệ giữa chuyển động của Trái Đất với hiện tượng ngày – đêm, hiện tượng mùa, mối quan hệ giữa khí áp và gió,....

3. Địa lí và cuộc sống

Trong quá trình học tập Địa lí, việc gắn kiến thức với đời sống cũng giúp các em đạt kết quả cao hơn. Học môn Địa lí ở lớp 6, các em sẽ có hiểu biết về các hiện tượng trong tự nhiên và thấy được mối quan hệ giữa con người với thiên nhiên.

Từ việc có hiểu biết về các hiện tượng địa lí, các em có thể vận dụng để giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hằng ngày. Chẳng hạn như, khi các em có hiểu biết về mùa trên Trái Đất, hiện tượng mùa do đâu mà có; các em sẽ biết các mùa ở nơi mình sinh sống diễn ra như thế nào, có tác động đến đời sống sinh hoạt và sản xuất của con người ra sao? Biết được quy luật mùa và tác động của nó, các em sẽ có cách ứng xử phù hợp để thích nghi với nhịp điệu mùa ở địa phương,...



Hãy nêu một số ví dụ để thấy được vai trò của môn Địa lí đối với cuộc sống.

Luyện tập và Vận dụng



1. Quan sát hình 1, 2, 3, cho biết những nội dung được thể hiện qua các hình đó.



2. Sưu tầm một số câu ca dao, tục ngữ nói về mối quan hệ giữa thiên nhiên và con người.

CHƯƠNG

1

BẢN ĐỒ – PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT



TRONG CHƯƠNG NÀY, EM SẼ TÌM HIỂU VỀ:

- Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Tọa độ địa lí
- Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới. Phương hướng trên bản đồ
- Tỷ lệ bản đồ
- Hệ thống kí hiệu bản đồ. Bảng chú giải bản đồ
- Một số bản đồ thông dụng
- Tìm đường đi trên bản đồ
- Lược đồ trí nhớ

Bài 1

Học xong bài này,
em sẽ:

- Biết được thế nào là: kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc (Xích đạo), các bán cầu, tọa độ địa lí.
- Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, Xích đạo, các bán cầu. Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.



Hình 1. Quả Địa Cầu

Em có biết?

Kinh tuyến gốc được quy ước là kinh tuyến đi qua Đài thiên văn Grin-uyích (nằm ở ngoài ô thành phố Luân Đôn, thủ đô nước Anh).

Kinh tuyến gốc cùng với kinh tuyến 180° chia quả Địa Cầu thành hai bán cầu: bán cầu Đông và bán cầu Tây.

Vĩ tuyến gốc là Xích đạo chia quả Địa Cầu thành hai bán cầu: bán cầu Bắc và bán cầu Nam.

Vĩ tuyến 23°27' được gọi là chí tuyến, vĩ tuyến 66°33' được gọi là vòng cực.

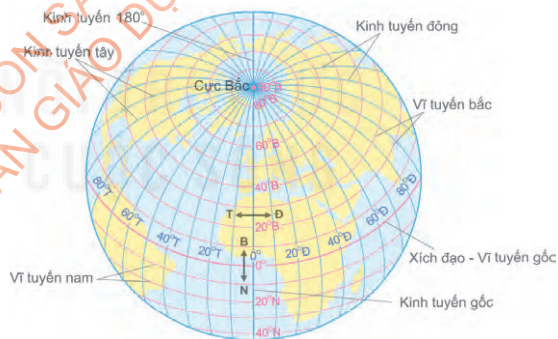
HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN. TOẠ ĐỘ ĐỊA LÍ



Ngày nay, các con tàu ra khơi đều có gắn các thiết bị định vị để thông báo vị trí của tàu. Vậy dựa vào đâu để người ta xác định được vị trí của con tàu khi đang lênh đênh trên biển?

1. Hệ thống kinh, vĩ tuyến

Quả Địa Cầu là mô hình thu nhỏ của Trái Đất. Trên quả Địa Cầu, có thể hiện cực Bắc, cực Nam và hệ thống kinh, vĩ tuyến. Kinh tuyến là nửa đường tròn nối hai cực trên bề mặt quả Địa Cầu. Vĩ tuyến là vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu và vuông góc với các kinh tuyến. Để đánh số các kinh tuyến và vĩ tuyến, người ta chọn một kinh tuyến, một vĩ tuyến làm gốc và ghi 0°. Các kinh tuyến và vĩ tuyến khác được xác định dựa vào kinh tuyến gốc và vĩ tuyến gốc.



Hình 2. Các đường kinh tuyến, vĩ tuyến trên quả Địa Cầu

? Dựa vào hình 2 và đọc thông tin trong mục 1, em hãy:

1. Xác định đường kinh tuyến gốc và vĩ tuyến gốc. Cho biết thế nào là kinh tuyến tây, kinh tuyến đông, vĩ tuyến bắc, vĩ tuyến nam.
2. So sánh độ dài giữa các kinh tuyến với nhau và độ dài giữa các vĩ tuyến với nhau.

2. Kinh độ, vĩ độ và tọa độ địa lí

Muốn xác định vị trí của bất cứ địa điểm nào trên quả Địa Cầu hay trên bản đồ, ta phải xác định được kinh độ và vĩ độ của điểm đó.

Kinh độ và vĩ độ của một địa điểm được gọi chung là tọa độ địa lí của điểm đó. Ví dụ: Cột cờ Hà Nội có vĩ độ là $21^{\circ}01'57''\text{B}$, kinh độ là $105^{\circ}50'23''\text{Đ}$, tọa độ địa lí của Cột cờ Hà Nội được ghi là $(21^{\circ}01'57''\text{B}, 105^{\circ}50'23''\text{Đ})$. Khi biết tọa độ địa lí, ta có thể xác định được vị trí của bất kì điểm nào trên quả Địa Cầu và bản đồ.

? Xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B, C trên hình 4.



Hình 4. Một số địa điểm trên quả Địa Cầu



Hình 3. Cột cờ Hà Nội có tọa độ $(21^{\circ}01'57''\text{B}, 105^{\circ}50'23''\text{Đ})$

Em có biết?

Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng độ từ kinh tuyến gốc đến kinh tuyến đi qua điểm đó. Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng độ từ Xích đạo đến vĩ tuyến đi qua điểm đó.

Luyện tập và Vận dụng



1. Cho biết nếu vẽ các đường kinh tuyến, vĩ tuyến cách nhau 1° thì trên quả Địa Cầu có bao nhiêu kinh tuyến, vĩ tuyến.



2. Tra cứu thông tin, ghi tọa độ địa lí các điểm cực (Bắc, Nam, Đông, Tây) trên phần đất liền của nước ta.

Bài 2

Học xong bài này,
em sẽ:

- Nêu được khái niệm bản đồ.
- Nhận biết được một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
- Xác định được phương hướng trên bản đồ.

BẢN ĐỒ. MỘT SỐ LƯỚI KINH, VĨ TUYẾN. PHƯƠNG HƯỚNG TRÊN BẢN ĐỒ



Em có biết?

Khi chuyển từ mặt cong ra mặt phẳng, các vùng đất biểu hiện trên bản đồ đều có sự biến dạng nhất định so với hình dạng thực trên bề mặt Trái Đất. Vì vậy, người sử dụng bản đồ phải biết ưu điểm và hạn chế của từng loại lưới kinh, vĩ tuyến để lựa chọn bản đồ phù hợp với mục đích của mình.

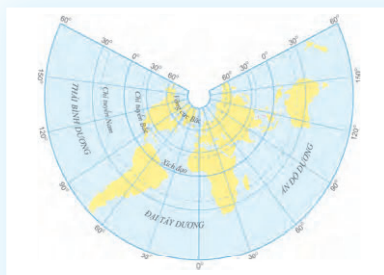
1. Khái niệm bản đồ

Bản đồ là hình vẽ thu nhỏ một phần hay toàn bộ bề mặt Trái Đất lên mặt phẳng trên cơ sở toán học, trên đó các đối tượng địa lí được thể hiện bằng các kí hiệu bản đồ. Bản đồ có vai trò quan trọng trong học tập và đời sống.

1. Em hãy cho biết quả Địa Cầu và bản đồ có điểm gì giống và khác nhau.
2. Hãy nêu một số ví dụ cụ thể về vai trò của bản đồ trong học tập và đời sống.

2. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới

Muốn vẽ được bản đồ, người ta phải chuyển bề mặt cong của Trái Đất lên mặt phẳng thông qua các phép chiếu. Các phép chiếu sẽ cho ra các lưới kinh, vĩ tuyến có hình dạng khác nhau.



a) Lưới kinh, vĩ tuyến của phép chiếu hình nón



b) Lưới kinh, vĩ tuyến của phép chiếu hình trụ

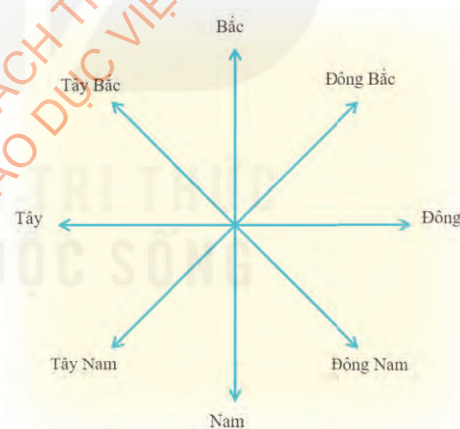
Hình 1. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới

? Quan sát hình 1, em hãy mô tả hình dạng lưới kinh, vĩ tuyến ở mỗi bản đồ.

3. Phương hướng trên bản đồ

Muốn xác định phương hướng trên bản đồ, chúng ta dựa vào các đường kinh tuyến và vĩ tuyến. Đầu trên của các kinh tuyến chỉ hướng bắc, đầu dưới chỉ hướng nam. Đầu bên trái của các vĩ tuyến chỉ hướng tây, đầu bên phải chỉ hướng đông. Trên một số bản đồ không có hệ thống kinh, vĩ tuyến, người ta sẽ vẽ mũi tên chỉ hướng bắc; dựa vào đó để xác định phương hướng trên bản đồ. Các hướng trên bản đồ được quy định như hình 2.

? Dựa vào bản đồ Việt Nam trong Đông Nam Á ở trang 101, em hãy xác định hướng đi từ Hà Nội đến các địa điểm: Băng Cốc, Ma-ni-la, Xin-ga-po.



Hình 2. Các hướng chính

Luyện tập và Vận dụng



1. Dựa vào bản đồ ở trang 101, cho biết phần đất liền của nước ta tiếp giáp với biển ở những hướng nào.



2. Sưu tầm một số bản đồ và giới thiệu với các bạn trong lớp về các bản đồ đó.

Bài 3

Học xong bài này,
em sẽ:

- Biết được tỉ lệ bản đồ.
- Tính được khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

Em có biết?

Tỉ lệ bản đồ có liên quan đến mức độ thể hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ. Bản đồ tỉ lệ càng lớn thì càng thể hiện được nhiều nội dung.

Để biết khoảng cách thực tế giữa hai đối tượng không nằm trên một đường thẳng trên bản đồ, ta có thể dùng sợi chỉ uốn theo đường nối giữa hai địa điểm, sau đó dựa vào chiều dài của đoạn chỉ và tỉ lệ để tính ra khoảng cách thực tế.

TỈ LỆ BẢN ĐỒ. TÍNH KHOẢNG CÁCH THỰC TẾ DỰA VÀO TỈ LỆ BẢN ĐỒ



Bạn A: Không biết Hải Phòng cách Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét nhỉ?

Bạn B: Đưa bản đồ đây mình tính cho.

Theo em, tại sao dựa vào bản đồ lại tính được khoảng cách từ Hải Phòng đến Hà Nội?

1. Tỉ lệ bản đồ

Tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ độ dài giữa các đối tượng trên bản đồ so với thực tế là bao nhiêu.

Tỉ lệ bản đồ được biểu hiện ở hai dạng:

- Tỉ lệ số là một phân số luôn có tử số là 1. Mẫu số càng lớn thì tỉ lệ càng nhỏ và ngược lại.

Ví dụ, tỉ lệ 1 : 1 000 000 có nghĩa là 1 cm trên bản đồ bằng 1 000 000 cm hay 10 km trên thực tế.

- Tỉ lệ thước được vẽ dưới dạng một thước đo đã tính sẵn, mỗi đoạn đều ghi số đo độ dài tương ứng trên thực tế.



Ở thước tỉ lệ trên, mỗi đoạn 1 cm tương ứng với 1 km trên thực tế.

1. Cho biết ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.
2. Tỉ lệ số và tỉ lệ thước khác nhau như thế nào?

2. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

Muốn biết khoảng cách thực tế của hai điểm A và B, ta dùng thước đo khoảng cách từ A đến B trên bản đồ rồi dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính.

Nếu trên bản đồ có tỉ lệ thước, ta đem khoảng cách AB trên bản đồ áp vào thước tỉ lệ sẽ biết được khoảng cách AB trên thực tế.

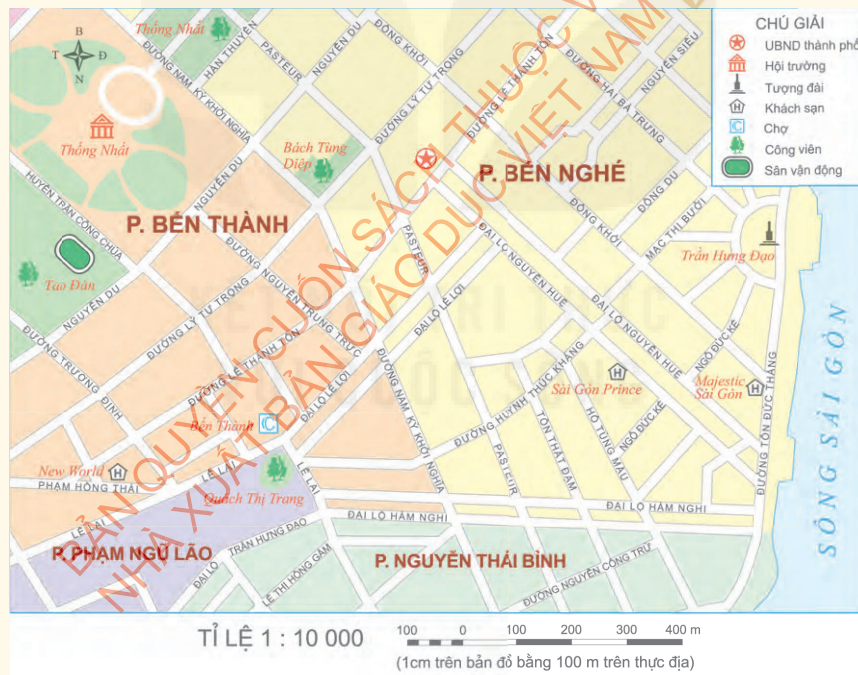
1. Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1 : 6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội tới thành phố Hải Phòng và thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) lần lượt là 1,5 cm và 5 cm, vậy trên thực tế hai thành phố đó cách Thủ đô Hà Nội bao nhiêu ki-lô-mét?
2. Hai địa điểm có khoảng cách thực tế là 25 km, thì trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 500 000, khoảng cách giữa hai địa điểm đó là bao nhiêu?

Luyện tập và Vận dụng



1. Căn cứ vào tỉ lệ thước hoặc tỉ lệ số của bản đồ hình 1, em hãy:

- Đo và tính khoảng cách theo đường chim bay từ chợ Bến Thành đến Công viên Thống Nhất.
- Tính chiều dài đường Lê Thánh Tôn từ ngã ba giao với đường Phạm Hồng Thái đến ngã tư giao với đường Hai Bà Trưng.



Hình 1. Một khu vực của Thành phố Hồ Chí Minh



2. Giữa hai bản đồ tự nhiên Việt Nam có tỉ lệ 1 : 10 000 000 và 1 : 15 000 000, bản đồ nào có tỉ lệ lớn hơn, bản đồ nào thể hiện được nhiều đối tượng địa lí hơn?